



Mục lục

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

3 VŨ VĂN HIỀN:

Quang vinh 95 năm Đảng của chúng ta

7 NGUYỄN TRỌNG PHÚC:

Sứ mệnh lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

16 TRỊNH VĂN QUYẾT:

Một số vấn đề về bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

30 **LƯƠNG ĐÌNH HẢI & LÊ THỊ TRANG:**

Quan hệ giữa phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hành dân chủ XHCN ở Việt Nam

44 **NGUYỄN MINH VŨ:**

Những thuận lợi, thời cơ, khó khăn, thách thức, quan điểm, định hướng giải pháp để đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên mới

55 **NGUYỄN VĂN PHONG:**

Đảng bộ Thủ đô Hà Nội với trách nhiệm lịch sử trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

62 **TRẦN THỊ HỒNG MINH:**

Đột phá thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

QUANG VINH 95 NĂM ĐẢNG CỦA CHÚNG TA

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN



Hội thảo khoa học quốc gia "Đảng Cộng sản Việt Nam - 95 năm kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc" _ Ảnh: hcma.vn

Thử hỏi có nơi nào trên thế gian này, một đảng chính trị của một giai cấp lại được cả dân tộc thừa nhận, tôn vinh và coi đảng là của

chính mình? Đó là ở Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn được toàn thể nhân dân ta gọi với cái tên trìu mến, tin tưởng: Đảng ta, Đảng của chúng ta.

95 năm đã trôi qua kể từ ngày thành lập Đảng, Đảng của trí tuệ và niềm tin, kiên cường phấn đấu vì lợi ích của giai cấp, của dân tộc và sự lớn mạnh không ngừng của đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã tiến bước mạnh mẽ và vững chắc trên con đường độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Thời gian là đá thử vàng. 95 năm qua là giai đoạn đặc biệt của Cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, là chặng đường dài mà đất nước phải chấp nhận và vượt qua những thách thức to lớn, có lúc hiểm nghèo. Nhưng mỗi lần vượt qua thử thách là mỗi lần dân tộc Việt Nam tự vươn lên tạo dựng những mốc son lịch sử đánh dấu những thắng lợi vẻ vang.

Đó là thắng lợi của việc Đảng lãnh đạo tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công và bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân đầu tiên của Đông Nam Á còn hết sức non trẻ. Trong hoàn cảnh nền kinh tế - tài chính quốc gia kiệt quệ, giặc đói, giặc dốt hoành hành, lại thêm thù trong giặc ngoài quấy đảo với sức mạnh và ý đồ tưởng chúng có thể xóa sổ chính quyền cách mạng non trẻ trong chốc lát. Vậy mà, với sự lãnh đạo

sáng suốt và tài tình của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, con thuyền Cách mạng Việt Nam đã vượt qua ghềnh thác, lướt sóng đi lên.

Đó là chiến thắng lẫy lừng của hai cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, gian khổ, chiến đấu chống những thế lực thực dân đế quốc hung bạo, làm lên một “Điện Biên chấn động địa cầu”; “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội cho dân tộc Việt Nam.

Đó là thành tựu vô cùng to lớn trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững chắc đủ sức bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và bình ổn đất nước.

Đó là những thành tựu quan trọng đầy ấn tượng của công cuộc đổi mới toàn diện đời sống đất nước. Trong điều kiện vô cùng khó khăn do sự bao vây

cầm vận của chủ nghĩa đế quốc và sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa các nước Đông Âu và Liên Xô, đất nước ta không những đứng vững mà còn phát triển, chính trị - xã hội ổn định, nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng và tiến bước vững chắc, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện. Sau 40 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử. Thành quả của sự nghiệp đổi mới đã tạo ra thế và lực mới cho đất nước ta.

Đó là thắng lợi to lớn trong các quan hệ đối ngoại, mở cửa và hội nhập quốc tế. Quan hệ quốc tế của nước ta ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu, nhất là quan hệ với các nước láng giềng và trong khu vực, các nước lớn, đặc biệt là các nước đối tác chiến lược toàn diện: Trung Quốc, Mỹ, Nga, Nhật Bản...; các trung tâm lớn của thế giới, các bạn bè truyền thống và các đối tác quan trọng. Những năm gần đây, với việc tham gia tích cực và có trách nhiệm từ các diễn đàn, tổ chức khu vực và quốc tế, là thành thành viên tích cực của WTO, đảm đương tốt vai trò Ủy viên không thường trực Liên hợp quốc, đóng góp đáng kể vào việc xây dựng cộng đồng ASEAN..., vị trí của nước

ta trên thế giới ngày càng được nâng cao, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những thắng lợi của sự nghiệp Cách mạng Việt Nam 95 năm qua là minh chứng hùng hồn về sức mạnh kỳ diệu của dân tộc ta. Sức mạnh ấy được kết tinh bởi sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam với lòng yêu nước nồng nàn, ý chí độc lập tự cường và tinh thần chủ động sáng tạo của nhân dân ta. Điều đó càng khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu khách quan, là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thành công của cách mạng. Đảng ta là cội nguồn của sức mạnh dân tộc và Đảng đã kết hợp đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lê, tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa yêu nước, truyền thống quý báu của dân tộc, tiếp thu tinh hoa của nhân loại, biết quý trọng và phát huy sức mạnh toàn dân tộc, biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để đưa đất nước vươn lên.

Lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam có nhiều thời kỳ phát triển rực rỡ, nhưng chưa bao giờ phong độ của đất nước, vị trí của dân tộc lại ở tầm cao, chiều sâu, bề rộng và được khẳng định như bây giờ. Văn kiện Đại hội

Đảng lần thứ XIII khẳng định: “Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh, xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử; phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta có thể nói rằng: *“Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”*¹. Với thế và lực đã được tăng cường cùng với những thời cơ, thuận lợi mới, Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân quyết tâm đưa đất nước ta vững bước vào kỷ nguyên mới vươn mình dân tộc, làm nên những điều kỳ diệu mới.

Cội nguồn của sự kỳ diệu đó chính là tinh thần làm chủ và ý thức quyết cường của nhân dân ta với sự lãnh đạo

của Đảng. Đảng ta - Đảng Mác - Lênin - Hồ Chí Minh là con của giống nòi, là đội tiên phong trí tuệ đầy bản lĩnh của giai cấp công nhân và của cả dân tộc Việt Nam. 94 năm có Đảng là chặng đường vinh quang đầy ấp niềm tin yêu của tinh dân nghĩa Đảng. Đảng được nhân dân gắn bó như một lẽ đương nhiên. Toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nước ta do Đảng khởi xướng lãnh đạo, luôn đi tới thắng lợi, bởi có nhân dân tham gia, nhân dân đồng tình hưởng ứng. Chất keo gắn bó nhân dân với Đảng ngày càng bền chặt trở thành xung lực của cách mạng, thể hiện phẩm chất nhân văn, phẩm chất trí tuệ của Đảng và sự cao quý vô cùng của lòng dân. Lý tưởng cao đẹp và mục tiêu phấn đấu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” chính là hạnh phúc muôn đời của dân tộc ta, nhân dân ta. Vậy nên cả dân tộc ta, nhân dân cả nước ta gọi Đảng Cộng sản Việt Nam bằng sự triu mến, thân thương nhất: Đảng ta ■

¹ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.25.

SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

● PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC

*Viện Lịch sử Đảng,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

Mùa Xuân năm 1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Cương lĩnh của Đảng nêu rõ mục tiêu chiến lược của cách mạng là: “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”, “để đi tới xã hội cộng sản”. Đó cũng chính là sứ mệnh lịch sử vẻ vang của Đảng lãnh đạo giai cấp công nhân và toàn dân tộc từ đó tới nay và là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn bảo đảm cho cách mạng và dân tộc Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và có được cơ đồ như ngày nay.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 do Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh lãnh đạo đã mở

ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc Việt Nam - Kỷ nguyên độc lập tự do và đi lên chủ nghĩa xã hội. Do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, Đảng Cộng sản cầm quyền có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. Kháng chiến chống xâm lược để giành lấy độc lập, thống nhất hoàn toàn với chân lý nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sự nghiệp đấu tranh kiên cường đó kéo dài 30 năm mới đến ngày toàn thắng 30-4-1975. Công cuộc kiến quốc đồng thời diễn ra để tạo dựng một xã hội mới tốt đẹp, vì ấm no, hạnh phúc của đồng bào, đất nước giàu mạnh, với khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa dân tộc Việt Nam “bước tới đài

vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu”.

Sứ mệnh lãnh đạo, cầm quyền của Đảng từ sau Cách mạng Tháng Tám đã gần 80 năm. Việt Nam xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa từ một nước thuộc địa, phong kiến nghèo nàn và lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá.

Nhớ lại thời miền Bắc làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, vốn liếng chỉ có 3 sào ruộng một đầu người (hơn 1.000 m²) với mấy mỏ than ở Quảng Ninh. “Năm hai mùa chua mặn. Gian nan. Hai tay trắng với giang sơn một nửa” (Tố Hữu). Vậy mà miền Bắc đã vươn mình, mạnh mẽ từ đường lối Đại hội III của Đảng (9-1960), nhiều chính sách và các cuộc vận động lớn. Năm 1964 đã đủ lương thực cho toàn xã hội, tự túc 90% hàng tiêu dùng với số dân 17 triệu người. Báo cáo tại Hội nghị chính trị đặc biệt 27-3-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Trong 10 năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới”.

Sau ngày đất nước thống nhất 30-4-1975, cả dân tộc đứng trước vận hội

mới để phát triển nhưng lại phải đương đầu với những thách thức nặng nề. Hậu quả của 30 năm chiến tranh. Cả nước vẫn là nền kinh tế sản xuất nhỏ, lạc hậu với 45 triệu dân. Các nước và các thế lực thù địch bao vây, cấm vận và phá hoại. Thiên tai và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ác liệt ở biên giới Tây-Nam và biên giới phía Bắc và phải thực hiện nghĩa vụ quốc tế, cứu dân tộc Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng. “Lụt Bắc, lụt Nam, máu đầm biên giới. Tay chống trời, tay giữ đất căng gân” (Tố Hữu). Tình hình khắc nghiệt đó đã dẫn tới đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội từ năm 1979.

Đảng có sứ mệnh lãnh đạo đưa đất nước vượt qua thách thức để ra khỏi khủng hoảng. Đảng cũng thẳng thắn tự nhận thấy khuyết điểm yếu kém của chính mình trong lãnh đạo xây dựng, phát triển kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (8-1979) khởi đầu quá trình tìm đường đổi mới. Tiếp đó là Chỉ thị 100 của Ban Bí thư về khoán trong hợp tác xã nông nghiệp (13-1-1981); Quyết định 25CP, 26CP (21-1-1981) của Chính phủ trong quản lý công nghiệp; Đại hội V của

Đảng (3-1982); Hội nghị Đà Lạt (7-1983); Nghị quyết Trung ương 8 khóa V (6-1985) và Kết luận của Bộ Chính trị (8-1986). Đó là những bước đột phá của quá trình đổi mới từng phần để đi tới đường lối đổi mới tại Đại hội VI của Đảng (12-1986).

Đường lối đổi mới toàn diện của Đại hội VI là kết quả của đổi mới tư duy lý luận, khắc phục nhận thức giản đơn về chủ nghĩa xã hội, bệnh giáo điều, nóng vội và chủ quan duy ý chí. Nhận thức rõ hơn đặc điểm của Việt Nam, những đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội VI nhấn mạnh bài học: “Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng”. Đại hội VI của Đảng là cột mốc lịch sử đặc biệt mở ra thời kỳ phát triển mới của cách mạng và đất nước Việt Nam và cũng thể hiện trách

nhiệm và sứ mệnh lịch sử của Đảng trước đất nước và nhân dân.

Quá trình đổi mới gần 40 năm qua, Đảng và dân tộc Việt Nam đã lập nên kỳ tích, làm biến đổi sâu sắc, toàn diện đất nước và mỗi gia đình, mỗi con người. Chưa bao giờ Việt Nam có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Quá trình đổi mới gần 40 năm qua, Đảng và dân tộc Việt Nam đã lập nên kỳ tích, làm biến đổi sâu sắc, toàn diện đất nước và mỗi gia đình, mỗi con người. Chưa bao giờ Việt Nam có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Nhưng Đảng và dân ta cũng phải vượt qua nhiều thử thách, nguy cơ. Thử thách rất lớn là ảnh hưởng tiêu cực của sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Sự tồn tại 4 nguy cơ lớn cản trở sự phát triển và đổi mới. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với

các nước trên thế giới và trong khu vực. Nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Nguy cơ tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nguy cơ “diễn biến hòa bình”, sự chống phá của các thế lực thù địch. Quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo có một đặc điểm là luôn luôn tranh thủ cơ hội để phát triển và chủ động đẩy

lùi nguy cơ, vượt qua mọi cản trở để đi tới.

Từ thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững khi bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. *Kỷ nguyên* là khái niệm khoa học để chỉ một thời kỳ, một thời đại lịch sử với những nội dung, đặc điểm, đặc trưng nổi bật dẫn dắt một dân tộc hoặc nhân loại đi tới mục tiêu cao cả và hiện thực. Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam để đi tới một nước Việt Nam hùng cường, phồn vinh, hiện đại, văn minh và hạnh phúc. Thực hiện sứ mệnh lãnh đạo trong kỷ nguyên mới đòi hỏi Đảng phải kế thừa thành công trong sự lãnh đạo ở các thời kỳ trước, xử lý những vấn đề mới đặt ra một cách khách quan, khoa học cả về lý luận và thực tiễn, tiếp tục đổi mới tư duy, phát triển lý luận và tổng kết thực tiễn.

Một là, tiếp tục làm rõ mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với những đặc trưng, hình thức, bước đi phù hợp với thực tiễn của đất nước và sự biến đổi của thời

đại. Sự phát triển đó dựa trên 8 đặc trưng mà *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)* do Đại hội XI thông qua. Đại hội XI đã nêu rõ:

“*Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.*

Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Đại hội XIII của Đảng (1-2021) chủ trương: “*Phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”. Đến năm 2030 là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Đảng trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển

phù hợp với điều kiện mới. Kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, không ngừng đổi mới nhận thức và hành động. Với tinh thần đó, năm 2022, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng công bố tác phẩm: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Đó là kết quả của nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn và có sự phát triển mới trong nhận thức.

“Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé”, vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai

thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường. Và, chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có. Phải chăng những mong ước tốt đẹp đó chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội và cũng chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi”.

Tổng Bí thư Tô Lâm, trong bài viết *Chuyển đổi số - động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới* đã nhấn mạnh: “Chúng ta đang đứng trước yêu cầu phải có một cuộc cách mạng với những cải cách mạnh mẽ, toàn diện để điều chỉnh quan hệ sản xuất, tạo động lực mới cho phát triển. Đó là cuộc cách mạng chuyển đổi số, ứng dụng khoa học - công nghệ nhằm tái cấu trúc quan hệ sản xuất phù hợp với sự tiến bộ vượt bậc của lực lượng sản xuất. Chuyển đổi số không đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ số vào

các hoạt động kinh tế - xã hội, mà còn là quá trình xác lập một phương thức sản xuất mới tiên tiến, hiện đại - “phương thức sản xuất số”, trong đó đặc trưng của lực lượng sản xuất là sự kết hợp hài hòa giữa con người và trí tuệ nhân tạo; dữ liệu trở thành một tài nguyên, trở thành tư liệu sản xuất quan trọng; đồng thời quan hệ sản xuất cũng có những biến đổi sâu sắc, đặc biệt là trong hình thức sở hữu và phân phối tư liệu sản xuất số”.

Đó là những định hướng căn bản cho sự phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trong thời đại và điều kiện mới và cũng là sứ mệnh lịch sử lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Hai là, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

Với sứ mệnh là đội tiên phong lãnh đạo cách mạng và Đảng cầm quyền, bước vào kỷ nguyên mới, Đảng không ngừng bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đường lối. Cương lĩnh, đường lối dựa

trên lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và phù hợp với sự phát triển của thực tiễn đất nước và thế giới. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Đảng tập trung lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa, cụ thể hóa Cương lĩnh, đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật. Đảng lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược ngang tầm yêu cầu phát triển của thời kỳ mới. Quán triệt chỉ dẫn của Bác Hồ: Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng bộ máy tổ chức tinh, gọn, mạnh với đội ngũ cán bộ có trình độ năng lực, đạo đức, trách nhiệm và chuyên nghiệp và với khả năng ứng dụng khoa học công nghệ. Chú trọng những cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám vượt qua thách thức, vì lợi ích chung.

Nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm. Kinh tế phát triển thì đất nước phát triển. Đảng lãnh đạo đất nước có nền kinh tế phát triển cao, quy mô lớn

dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại tạo năng suất cao, phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh. Xây dựng công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, thương mại, dịch vụ phát triển cao. Không ngừng hội nhập kinh tế quốc tế. Định hình phương thức sản xuất mới, “phương thức sản xuất số”. Phát triển kinh tế gắn với chiến lược phát triển khoa học, công nghệ.

Xây dựng một xã hội tốt đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc phải bảo đảm kết hợp tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Xây dựng, hoàn thiện các chính sách xã hội về lao động, việc làm, tiền lương, thu nhập, nhà ở, chữa bệnh, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, không ai bị bỏ lại phía sau.

Xây dựng hệ thống tiêu chí quốc gia hạnh phúc phù hợp với điều kiện Việt Nam. Tiếp tục phát triển 3 Chương trình quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và xây dựng phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện tốt hơn chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh *Văn hóa soi đường cho quốc dân đi*. Xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Văn hóa còn, dân tộc còn. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực để phát triển kinh tế. Đặt văn hóa ngang với chính trị và kinh tế. Phát

triển văn hóa gắn với giáo dục, đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao và xây dựng con người Việt Nam trong thời đại mới: Yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trí tuệ, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn liền với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội

Với sứ mệnh là đội tiên phong lãnh đạo cách mạng và Đảng cầm quyền, bước vào kỷ nguyên mới, Đảng không ngừng bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đường lối. Cương lĩnh, đường lối dựa trên lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và phù hợp với sự phát triển của thực tiễn đất nước và thế giới.

chủ nghĩa. Đảng tăng cường lãnh đạo quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Đảng lãnh đạo lực lượng vũ trang (quân đội, công an) tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Thực hiện chính sách quốc phòng hòa bình, tự vệ, 4 không. Không dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ với các nước. Không tham gia liên minh quân sự. Không đi với nước này để chống nước kia. Không để nước ngoài lập căn cứ quân sự, đóng quân trên lãnh thổ Việt Nam.

Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ, là bạn, là đối tác tin cậy, tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Tăng cường ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, ngoại giao quốc phòng an ninh. Không ngừng mở rộng hội nhập quốc tế và tham gia vào quá trình toàn cầu hóa.

Lãnh đạo tốt các lĩnh vực trọng yếu trên đây, tạo nên sức mạnh tổng hợp của cách mạng và dân tộc Việt Nam,

tạo động lực cho sự phát triển nhanh, bền vững.

Ba là, Đối mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng.

Phương thức lãnh đạo của Đảng là một hệ thống các phương pháp, hình thức mà chủ thể lãnh đạo tác động vào đối tượng lãnh đạo, xử lý các mối quan hệ và dự báo chiến lược và sự chuyển biến cụ thể. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến *Cách lãnh đạo* và nhấn mạnh một số điểm. Đảng cần phải ra quyết định cho đúng. Tổ chức thực hiện cho tốt. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, giám sát. Coi trọng dự báo, thấy trước. Lắng nghe ý kiến của nhân dân. Chủ trương nào mà dân chúng cho là không đúng, không phù hợp thì cần nghiên cứu, xem xét để sửa chữa.

Trong lãnh đạo rất cần sự phát triển để thấy được cơ hội, thời cơ đồng thời thấy rõ những khó khăn, thách thức, nguy cơ. Chẳng hạn 4 nguy cơ mà Đảng nêu ra từ năm 1994 đến nay vẫn còn hiện hữu, có mặt còn phức tạp, nhất là nguy cơ tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nguy cơ “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Khoa học lãnh đạo và quản lý

đòi hỏi nhận thức và xử lý đúng đắn các mối quan hệ và những khả năng diễn biến và phát triển. Cần thiết phải nắm vững quan điểm, phương pháp duy vật biện chứng với sự nhìn nhận khách quan, toàn diện, phát triển. Khắc phục phương pháp chủ quan, nóng vội, duy ý chí, áp đặt, giáo điều hoặc chủ nghĩa kinh nghiệm.

Để thực hiện tốt những mục tiêu định hướng quan trọng, Đại hội XIII nhấn mạnh: “Chúng ta cần tiếp tục nắm vững và xử lý tốt *các mối quan hệ lớn: Giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; và đặc biệt, mỗi quan hệ được*

bổ sung lần này là mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Đó là những mối quan hệ lớn, phản ánh các quy luật mang tính biện chứng, những vấn đề lý luận cốt lõi về đường lối đổi mới của Đảng ta, cần tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện và phát triển phù hợp với thay đổi của thực tiễn; đòi hỏi chúng ta phải nhận thức đúng và đầy đủ, quán triệt sâu sắc và thực hiện thật tốt, có hiệu quả. Tuyệt đối không được cực đoan, phiến diện”.

Sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với thắng lợi của cách mạng trong thời kỳ lịch sử và toàn bộ tiến trình cách mạng. Từ xác định đúng mục tiêu, nội dung nhiệm vụ đến cách thức, phương thức lãnh đạo là những vấn đề căn bản gắn liền khoa học lãnh đạo, quản lý và lý luận xây dựng Đảng được kiểm định từ chính thực tiễn của cách mạng. Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử lãnh đạo đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Đảng phải đặt ra và xử lý đúng đắn hàng loạt vấn đề lý luận và thực tiễn đất nước đang đặt ra ■

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI, KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

● **Thượng tướng TRỊNH VĂN QUYẾT**

Bí thư Trung ương Đảng,

Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương,

Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam

Bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam với sự tác động qua lại của các xu hướng vận động, biến đổi trên thế giới đang làm xuất hiện những nhân tố mới cả bên trong và bên ngoài, đem lại cả những thời cơ, vận hội, đồng thời cũng làm nảy sinh những khó khăn, thách thức, đòi hỏi chúng ta phải nhận diện đúng đắn, kịp thời đề ra các chiến lược, sách lược và giải pháp hiệu quả để tranh thủ tối đa thuận lợi, thời cơ, hóa giải khó khăn, thách thức “biến nguy thành cơ” nhằm hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước

đi lên chủ nghĩa xã hội. Bài viết làm rõ những thuận lợi, thời cơ, khó khăn, thách thức và giải pháp đột phá bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam.

1. Về những thuận lợi, thời cơ

Những thuận lợi, thời cơ của tình hình thế giới, khu vực

- *Cục diện thế giới tiếp tục vận động theo hướng đa cực, đa trung tâm; hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn.*

Cục diện thế giới đang tiếp tục vận động theo hướng đa cực, đa trung tâm song có những điểm mới; các nước lớn có những điều chỉnh rõ nét trong chính sách đối ngoại nhằm hiện thực hóa lợi

ích và mục tiêu chiến lược; cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc diễn ra gay gắt trong những lĩnh vực cốt lõi buộc các nước phải tìm cách quan hệ và kiểm soát bất đồng. Các nước lớn dù cạnh tranh quyết liệt với nhau về chiến lược, nhưng đều tránh đối đầu, xung đột trực diện và vẫn có nhu cầu duy trì hòa bình, ổn định trên toàn cầu và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Cục diện thế giới và xu hướng vận động trên tạo ra thế cân bằng chiến lược có lợi để Việt Nam mở rộng quan hệ với các nước lớn, tranh thủ tốt hơn các nguồn lực bên ngoài để phục vụ phát triển và xử lý những thách thức về quốc phòng, an ninh, kiểm chế, đẩy lùi từ sớm, từ xa âm mưu, ý đồ và hành động xâm phạm chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Khu vực Đông Nam Á (chủ yếu là khối ASEAN) đang hình thành, phát triển vững mạnh và sẵn sàng trở thành lực lượng trung tâm trong các tiến trình khu vực. ASEAN từng bước khẳng định được vị trí của mình, là trụ cột của hòa bình, tâm điểm của tăng trưởng và hạt nhân của đối thoại, hợp tác ở khu vực. Vì vậy, các nước lớn đều muốn tranh thủ sự ủng hộ và tăng cường hợp

tác với ASEAN. Ngoài ra, trong chính sách của nhiều nước lớn đối với khu vực ASEAN, Việt Nam được coi là một đối tác rất quan trọng cần tăng cường, góp phần kết nối và mở rộng quan hệ của các nước với ASEAN. Đây là điều kiện thuận lợi, góp phần nâng cao vị thế đất nước, tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ vì hòa bình, dân tộc, dân chủ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- *Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng nổi trội, bộc lộ gay gắt, quyết liệt và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực.*

Về chiều thuận, đây là yếu tố tạo thuận lợi để Việt Nam, tăng cường quan hệ với các nước lớn, duy trì cân bằng chiến lược, tạo ra “thế cài răng lược” về lợi ích với các nước lớn, các thể chế quốc tế và khu vực; từ đó, hạn chế khả năng xảy ra xung đột vũ trang, giảm đến mức thấp nhất khả năng các cường quốc thỏa hiệp với nhau chống Việt Nam. Đây là yếu tố quan trọng để duy trì hòa bình, ổn định, hợp tác, tranh thủ sự ủng hộ của các nước đối với lập trường của Việt Nam về vấn đề Biển Đông, thúc đẩy giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình,

xây dựng thế trận ngoại giao, pháp lý đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Từ sự cạnh tranh chiến lược đó, chúng ta có điều kiện đẩy mạnh hợp tác với các nước lớn để phát triển kinh tế - xã hội; tiếp cận với khoa học, công nghệ tiên tiến vừa phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, vừa phục vụ cho nhiệm vụ hiện đại hóa quân đội; tăng cường giao lưu văn hóa, lan tỏa giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới, góp phần phát huy và làm giàu văn hóa truyền thống, gia tăng “sức mạnh mềm”, nhằm tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước.

- Thành tựu của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại, nhất là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ngày càng được ứng dụng sâu rộng và làm thay đổi mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trên phạm vi toàn cầu.

Đây là thuận lợi, thời cơ rất lớn để Việt Nam tiếp cận công nghệ, tranh thủ thị trường, tham gia mạng lưới sản xuất, tạo sức đột phá mới về năng suất lao động, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tăng cường nguồn lực cho quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Đồng thời, là thời cơ để Việt Nam đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực công

ng nghiệp quốc phòng, tiếp cận và tiếp nhận công nghệ tiên tiến, thúc đẩy phát triển công nghiệp quốc phòng, sản xuất vũ khí, trang bị, làm cho vũ khí, trang bị và phương tiện kỹ thuật quân sự của quân đội ngày càng hiện đại, đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa quân đội, trực tiếp góp phần xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại, nâng cao khả năng sẵn sàng, phòng vệ chính đáng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa.

- Xu thế hợp tác liên kết kinh tế quốc tế và sự tham gia một cách tích cực chủ động của Việt Nam vào tiến trình này

Việc chủ động tham gia vào quá trình hợp tác, liên kết kinh tế quốc tế, nhất là tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới giúp Việt Nam có cơ hội thuận lợi phát triển và kết nối các tuyến hành lang kinh tế xuyên biên giới, tạo ra cơ hội cho doanh nghiệp tham gia cung ứng vào chuỗi giá trị toàn cầu, mở rộng xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường lớn; tham gia xử lý các vấn đề quốc tế và khu vực, đối phó với thách thức an ninh phi truyền thống và tạo nguồn lực quan trọng về vật chất, tăng cường tiềm lực

quốc phòng, an ninh và khả năng huy động kinh tế để bảo vệ Tổ quốc.

Những thuận lợi, thời cơ ở trong nước

Sau 40 năm đổi mới, đất nước ta đã có thể và lực mới, như Đảng ta đã khẳng định trong Văn kiện Đại hội XIII: “chưa bao giờ đất nước ta có cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”:

- *Sức mạnh tổng hợp quốc gia, tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước không ngừng được củng cố và tăng cường.*

Kinh tế vĩ mô ổn định; tiềm lực, quy mô và sức mạnh của nền kinh tế được nâng lên; phát triển văn hóa, xã hội, con người đạt nhiều kết quả tích cực, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, nâng cao.

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn giai đoạn 2021-2025 ước khoảng 6,0%/năm. Quy mô GDP từ 346 tỷ USD năm 2020, xếp thứ 37 trên thế giới, tăng lên 433 tỷ USD năm 2023, xếp thứ 34 trên thế giới, dự kiến 500 tỷ USD năm 2025. Thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người tăng từ 3.400 USD lên khoảng 4.650 USD vào

năm 2025, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp¹.

- *Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đặc biệt chú trọng, triển khai toàn diện, đồng bộ, hiệu quả.*

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đạt nhiều thành tựu to lớn và toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ góp phần làm cho Đảng ta ngày càng “là đạo đức, là văn minh”; hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả bảo đảm tình hình chính trị, xã hội ổn định, dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Sự đồng thuận xã hội và niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ngày càng được củng cố, tăng cường... Đây là điều kiện tiên quyết và là thuận lợi cơ bản để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- *Đối ngoại và hội nhập quốc tế nói chung, đối ngoại quốc phòng, an ninh nói riêng đạt nhiều kết quả nổi bật*

Thực hiện phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến” và trường phái ngoại giao “cây tre”, sau gần 40 năm

đổi mới: “Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được chủ động đẩy mạnh, đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tạo dựng, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định bảo vệ chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; huy động nguồn lực từ bên ngoài phục vụ phát triển và nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trên trường quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”².

Công tác đối ngoại quốc phòng, an ninh góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Những thuận lợi, thời cơ trên chính là những tiền đề vật chất và tinh thần quan trọng để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

2. Về những khó khăn, thách thức

Những khó khăn, thách thức của tình hình thế giới và khu vực

- Cục diện thế giới đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc định hình rõ nét hơn; hình thành phân tuyến rõ hơn giữa một bên là Mỹ cùng các nước phương

Tây (chủ yếu là các nước thành viên NATO) với một bên là Nga. Sự gia tăng chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa bảo hộ quốc gia làm nguy cơ chạy đua vũ trang, liên kết quân sự, xung đột cục bộ, chiến tranh ủy nhiệm ngày càng hiện hữu. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương đứng trước những thách thức nghiêm trọng. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gây sức ép trực tiếp lên các chủ thể yếu hơn, các nước nhỏ sẽ đứng trước sức ép trở nên phụ thuộc vào một nước lớn, có thể bị kẹt giữa nhiều nước lớn hoặc “buộc phải chọn bên” hay “liên minh với nước này để chống nước kia”.

- Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo phát triển mạnh mẽ sẽ làm xuất hiện nhiều loại vũ khí trang bị kỹ thuật quân sự hiện đại làm thay đổi cơ bản tổ chức quân đội, hình thái, phương thức tiến hành chiến tranh. Cùng với các môi trường tác chiến trên bộ, trên không, trên biển và vũ trụ, không gian mạng và phổ điện từ trở thành môi trường tác chiến mới, rất gay gắt quyết liệt; đặt ra những khó

khẩn thách thức chưa từng có đối với công cuộc bảo vệ Tổ quốc.

- Những vấn đề toàn cầu như bảo vệ hòa bình, an ninh con người, an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp. Cộng đồng quốc tế phải đối phó ngày càng quyết liệt hơn với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, đặc biệt là tình hình tội phạm trên không gian mạng diễn ra ngày càng phổ biến, đa dạng, phức tạp trên nhiều lĩnh vực với những phương thức thủ đoạn rất tinh vi, khó phát hiện, khó kiểm soát, thường xuyên đặt ra những thách thức lớn trong việc bảo đảm an ninh, an toàn đối với đất nước.

- Châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương là khu vực trung tâm hội tụ lợi ích chiến lược, cạnh tranh nước lớn, có vị trí, tầm quan trọng đối với an ninh toàn cầu, song cũng là khu vực có nhiều điểm nóng an ninh phức tạp hàng đầu thế giới, tiềm ẩn những nhân tố bất ổn định. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, tài nguyên, tình hình Biển Đông, biển Hoa Đông, eo biển Đài Loan, vấn đề hạt nhân trên bán đảo

Triều Tiên, hoạt động khủng bố vũ trang, thúc đẩy chạy đua vũ trang vẫn là các thách thức nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

- Khu vực Đông Nam Á, trọng tâm là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) tiếp tục được các nước coi trọng; song, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn đã tạo thách thức lớn trong việc củng cố và duy trì đoàn kết nội khối cũng như phát huy vai trò của ASEAN trong cấu trúc khu vực. Quan hệ ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia đứng trước nhiều thách thức mới, trở thành mục tiêu lôi kéo, gây sức ép của các nước lớn nhằm tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, tác động chia rẽ quan hệ ba nước.

Những khó khăn, thách thức của tình hình trong nước

- Bốn nguy cơ Đảng ta chỉ ra đến nay vẫn tồn tại, có mặt gay gắt hơn. Nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn. Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ cũng như những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp. Năng suất, chất lượng, hiệu

quả và sức cạnh tranh, chống chịu của nền kinh tế còn hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển và bảo vệ nền kinh tế, lợi ích quốc gia - dân tộc cả trong nước và ngoài nước, cả trước mắt và lâu dài.

- Chính trị - xã hội tiềm ẩn nhiều nguy cơ (tội phạm, tệ nạn, tiêu cực, xung đột xã hội, giảm nghèo chưa bền vững, phân hóa giàu nghèo vẫn có khoảng cách lớn). Bên cạnh đó, Việt Nam phải thường xuyên đối phó với âm mưu “diễn biến hòa bình” do các thế lực thù địch tiến hành bằng những thủ đoạn tinh vi để thâm nhập, mua chuộc, can thiệp sâu vào công việc nội bộ của Việt Nam nhằm thúc đẩy nhanh quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, làm suy giảm tiềm lực chính trị - tinh thần của đất nước và chuyển hóa chế độ ở Việt Nam.

- Các quyền tự do dân chủ, tự do tôn giáo, vấn đề nhân quyền đang bị các thế lực thù địch lợi dụng để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động bạo loạn, ly khai tại một số địa bàn trọng điểm của đất nước. Công tác bảo vệ an toàn thông tin mạng, đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ còn nhiều thách thức. Chủ

quyền lãnh thổ trên Biển Đông, vùng biển Tây Nam và một số địa bàn chiến lược tiềm ẩn nhiều nhân tố gây mất ổn định. Các vấn đề an ninh phi truyền thống, nhất là tội phạm xuyên quốc gia, xuyên biên giới, tội phạm ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao... đang có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp.

Tình hình trên cho thấy, bên cạnh thời cơ, thuận lợi, đất nước ta còn đứng trước không ít khó khăn, thách thức, cần phải được nhận diện, hóa giải kịp thời, hiệu quả, để tạo thế và lực đưa đất nước vững vàng bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

3. Giải pháp đột phá bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

Trước hết, phải khẳng định các nhiệm vụ, giải pháp được Đảng ta xác định trong Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XIII) về *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới* vẫn giữ nguyên giá trị và chúng ta kiên trì quán triệt, thực hiện. Bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đây là thời kỳ đất nước, dân tộc phải vươn lên mạnh mẽ, phấn đấu

thực hiện thành công những mục tiêu chiến lược, tạo sự phát triển bứt phá ở một tầm cao mới, trình độ mới, chất lượng mới, xác lập vị thế quốc gia trên trường quốc tế, tạo nền tảng cho bước phát triển đột phá kế tiếp. Kỷ nguyên mới với những thuận lợi, thời cơ, cùng những khó khăn, thách thức nêu trên, đòi hỏi chúng ta trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, không được phép lơ là, mất cảnh giác trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Do đó, một mặt, phải thực hiện đồng bộ, toàn diện các giải pháp thường xuyên; mặt khác, phải có các giải pháp đột phá nhằm tận dụng tối đa những thuận lợi, thời cơ; đồng thời, ngăn chặn, đẩy lùi, hóa giải các khó khăn, thách thức để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, cụ thể:

Một là, nâng cao chất lượng nghiên cứu, dự báo tham mưu chiến lược

Trong thời kỳ mới cần phải hết sức coi trọng chất lượng dự báo tham mưu chiến lược, nhận diện đúng những thuận lợi, thời cơ, cùng những khó khăn thách thức, để có các đối sách giải quyết hợp lý. Tập trung phân tích, đánh giá, dự báo tình hình quốc tế và khu vực, nhất là sự điều chỉnh chính sách, chiến lược của các nước lớn, các

nước láng giềng tác động tới lợi ích và an ninh quốc gia của Việt Nam; các yếu tố quốc tế và trong nước tác động đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, nhất là âm mưu hoạt động chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch, phản động; tình hình an ninh kinh tế, an ninh chính trị nội bộ, an ninh số, an ninh thông tin truyền thông, an ninh tôn giáo, dân tộc, an ninh trật tự ở các vùng chiến lược, các thành phố lớn, khu vực biên giới, biển, đảo; những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tình hình tội phạm và an toàn trên phạm vi toàn quốc...

Theo đó, phải quan tâm xây dựng các cơ quan và đội ngũ cán bộ nghiên cứu, tham mưu chiến lược vững mạnh toàn diện. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu chiến lược chuyên trách của các ban, bộ, ngành có liên quan để trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ thông tin và huy động trí tuệ của các chuyên gia vào quá trình nghiên cứu dự báo chiến lược. Xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu, tham mưu chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ; tổ chức tốt công tác tuyển chọn, đào tạo bồi dưỡng, bảo đảm cho đội ngũ này trung

thành, mưu lược, sáng tạo, có kỹ năng nghiên cứu, ý thức, trách nhiệm lao động khoa học nghiêm túc, say mê, tận tụy; tập trung trí tuệ nghiên cứu, đề xuất các luận cứ khoa học có giá trị cao. Đồng thời, trong điều kiện hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, cần tạo điều kiện để các đơn vị chuyên trách nghiên cứu chiến lược, các cơ quan tham mưu tiếp xúc, mở rộng quan hệ với các cơ quan nghiên cứu chiến lược của các nước, các trung tâm nghiên cứu quốc tế độc lập để tham khảo kinh nghiệm, trao đổi thông tin, đánh giá tình hình kinh tế - chính trị, quốc phòng, an ninh trên thế giới và khu vực.

Hai là, tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị

Để giữ vững sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới cần đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng. Tập trung tổng kết 7 năm thực hiện Nghị quyết

số 18 - NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh, gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Nhanh chóng hoàn thiện thể chế, đưa chủ trương tinh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hệ thống chính trị của Đảng đi vào cuộc sống. Gắn tinh, gọn tổ chức bộ máy với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ. Tiếp tục nâng cao hiệu quả đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng ngừa, răn đe, nghiêm trị đủ mạnh để ngăn ngừa, ngăn chặn và xử lý hiện tượng, hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ngay khi còn là mầm mống, củng cố lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, chế độ.

Đẩy mạnh thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị tinh - gọn - mạnh - hiệu lực - hiệu quả. Nâng cao năng lực hoạch định và lãnh đạo tổ chức thực hiện đường lối, quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm Nhà nước pháp quyền đủ khả năng quản lý, điều hành thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng đất nước

và ngăn chặn, xử lý hiệu quả các tình huống, nguy cơ bên trong, bên ngoài từ sớm, từ xa, từ cơ sở không để hình thành các tổ chức đối lập trong nước hoặc xảy ra tình trạng mất ổn định chính trị - xã hội hay xung đột, chiến tranh. Tăng cường lãnh đạo triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ các chiến lược: Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Chiến lược quốc phòng Việt Nam, Chiến lược quân sự Việt Nam, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược An ninh mạng quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, và các chiến lược quốc phòng, an ninh chuyên ngành khác. Tổ chức đấu tranh hiệu quả với chiến lược “diễn biến hòa bình”, hoạt động bất tuân dân sự, “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang của các thế lực thù địch.

Ba là, đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nhanh, bền vững gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh và giải quyết tốt các vấn đề xã hội

Thực hiện các giải pháp đột phá, phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại thu nhập trung bình cao, tạo tiền đề vững chắc cho tăng trưởng cao trong dài hạn

và đưa nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc vào năm 2045. Bảo đảm phát triển hài hòa, giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện nhất quán quan điểm: Mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và luật pháp của Nhà nước đều phải xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân là mục tiêu phấn đấu.

Với yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong kỷ nguyên mới đòi hỏi sự kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh phải ngày càng chặt chẽ, hiệu quả ngay trong từng lộ trình, bước đi. Phát huy cao trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, hoạch định, thẩm tra, thẩm định, bảo đảm quốc phòng, an ninh luôn song hành, sớm phát hiện bất đồng, tranh chấp trên các lĩnh vực để xử lý, ngăn chặn, hóa giải từ sớm, từ xa, không để bùng phát thành xung đột, chiến tranh. Đẩy mạnh các giải pháp chiến lược nhằm đạt mục “tiêu kép”: Phát triển kinh tế bền vững gắn với bảo vệ

chủ quyền biển, đảo; kinh tế vùng biên gắn với bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia; kinh tế số gắn với bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng; kinh tế vùng, miền gắn với phòng thủ quân khu và tỉnh, thành phố; kinh tế đối ngoại gắn với bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ bên ngoài; kinh tế nội địa gắn với bảo vệ từ bên trong, phòng chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ... Bên cạnh đó cần đẩy mạnh xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng “thế trận văn hóa”, phát huy vai trò “sứ giả thân thiện” của văn hóa trong xây dựng tình cảm, lòng tin của cộng đồng quốc tế với Việt Nam. Tận dụng “sức mạnh mềm” của văn hóa để ngăn chặn, hóa giải các nguy cơ, mâu thuẫn, tranh chấp, bất đồng giữa các dân tộc, tôn giáo... giữa nước ta với các quốc gia trên thế giới.

Bốn là, củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân có chất lượng tổng hợp, có sức chiến đấu cao

Tập trung huy động nguồn lực để xây dựng, nâng cao sức mạnh quốc gia trong công cuộc phòng thủ đất nước,

bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia - dân tộc. Tiếp tục xây dựng tiềm lực của nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, chú trọng xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần; xây dựng “thế trận lòng dân”, mà cốt lõi là niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ngày càng vững chắc. Thường xuyên chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trước hết là đoàn kết trong Đảng thành một khối thống nhất, làm hạt nhân đoàn kết toàn dân tộc. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, làm cho các tầng lớp nhân dân hiểu rõ cội nguồn lịch sử đất nước, truyền thống, văn hóa dựng nước, giữ nước của dân tộc; chủ trương, đường lối quốc phòng, quân sự, xây dựng nền quốc phòng toàn dân; chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước... Phát huy dân chủ rộng rãi, tạo đồng thuận, nhất trí và quyết tâm cao trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Trước nhiệm vụ trọng yếu bảo vệ Tổ quốc, các cấp, ngành, lực lượng từ trung ương đến địa phương và cả hệ thống chính trị cần thực hiện đồng bộ các chủ trương, giải pháp, tăng cường

đầu tư nguồn lực xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh; xây dựng Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện các chính sách đột phá, vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh; đồng thời, đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng chủ động, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, tạo đột phá về nghiên cứu, thiết kế, sản xuất vũ khí, trang bị, kỹ thuật hiện đại, trọng tâm là vũ khí chiến lược, có sức răn đe, nâng cao khả năng tác chiến tầm cao, tầm xa, tác chiến ban đêm, tác chiến không gian mạng, tăng cường năng lực phòng thủ bảo vệ đất nước.

Cơ quan quân sự các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện, có đủ thành phần, lực lượng và chất lượng theo quy định, đáp ứng yêu cầu bảo vệ địa bàn. Xây dựng lực lượng

dự bị động viên hùng hậu, chất lượng ngày càng cao, chú trọng huấn luyện, đăng ký, quản lý chặt chẽ, sẵn sàng động viên bổ sung cho lực lượng thường trực khi cần thiết. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, coi trọng xây dựng lực lượng dân quân tự vệ biển và dân quân tự vệ thường trực ở các địa bàn trọng điểm; phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ngay từ cơ sở.

Tập trung xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc trên từng khu vực, hướng chiến lược và phạm vi cả nước. Đẩy mạnh xây dựng hệ thống phòng thủ quốc gia, phòng thủ quân khu, phòng thủ dân sự, phòng thủ mạng và khu vực phòng thủ các cấp liên hoàn, vững chắc. Kịp thời bổ sung, điều chỉnh thể trận quốc phòng, an ninh phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội. Kết hợp xây dựng đồng bộ thể trận biên phòng với thể trận bảo vệ chủ quyền biên giới, biển đảo, không gian mạng, không gian vũ trụ.

Năm là, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng và hiệu quả bảo đảm giữ cho “ngoài êm” để chủ động bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy

Cần tiếp tục tổ chức thực hiện tốt đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, lấy bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc là tối thượng, đồng thời xác định rõ Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Bên cạnh đó cần nhất quán thực hiện đường lối quốc phòng “hòa bình và tự vệ”, chính sách quốc phòng “bốn không” trong quan hệ quốc tế. Tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn, từng bước nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với một số nước lớn trên cơ sở giữ vững đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, gia tăng đan xen lợi ích chiến lược giữa ta với các đối tác nhưng không để lệ thuộc quá lớn vào một thị trường, một đối tác; giữ thế cân bằng chiến lược. Đẩy mạnh tham gia vào các cơ chế đa phương, các “sân chơi”, cùng các

nước thiết lập quy tắc ứng xử giải quyết tranh chấp, bất đồng giữa các quốc gia. Chủ động đàm phán, giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng, tranh chấp trên cơ sở bảo đảm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và lợi ích quốc gia - dân tộc. Thực hiện đúng các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tăng cường vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

Tiếp tục mở rộng, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về quốc phòng, an ninh, hợp tác ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh phi truyền thống, góp phần xây dựng, củng cố lòng tin chiến lược, duy trì môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực. Chủ động, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, xung đột, làm thất bại âm mưu chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ, giữ vững ổn định chính trị xã hội. Tranh thủ nguồn lực bên ngoài để củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, thúc đẩy đa dạng hóa đối tác hợp tác về kỹ thuật quân sự và thương mại quốc phòng.

Tích cực tham gia có hiệu quả lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc và lan tỏa giá trị văn hóa Việt

Nam, quan điểm quốc phòng, hình ảnh bộ đội Việt Nam đến bạn bè quốc tế, tăng cường đoàn kết, tin cậy, ủng hộ của nhân dân thế giới với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của ta. Xây dựng tiềm lực, thế trận đối ngoại tạo sự ủng hộ vật chất, tinh thần của các tổ chức quốc tế, các đối tác, các nước bạn bè truyền thống và yêu chuộng hòa bình, đồng bào ta ở nước ngoài, các diễn đàn đa phương, song phương, các nhân sĩ, trí thức tiến bộ... đáp ứng yêu cầu thiết lập tuyến phòng thủ, tạo vành đai an ninh từ ngoài lãnh thổ, biên giới hành chính quốc gia để bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy. Thường xuyên nắm bắt, ngăn ngừa, hóa giải kịp thời các tranh

chấp, bất đồng, xung đột trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đập tắt ý đồ chống phá Việt Nam.

Đánh giá toàn diện, chính xác những thuận lợi, thời cơ, khó khăn, thách thức của tình hình quốc tế, khu vực và trong nước chính là đánh giá những đặc điểm, biến đổi trong giai đoạn hiện nay của thời đại là tất yếu khách quan, vì “chỉ có dựa trên cơ sở hiểu biết những đặc điểm cơ bản của một thời đại, chúng ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước nọ”³; từ đó, chúng ta mới đề xuất hệ thống giải pháp đột phá nhằm bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam ■

¹ Ban Chấp hành Trung ương, *Dự thảo Báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021- 2030, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030*, Hà Nội, 12/2024.

² Ban Tuyên giáo Trung ương, *Tài liệu nghiên cứu các Văn kiện Hội nghị lần thứ Tám, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (dùng cho cán bộ chủ chốt và báo cáo viên)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2023 tr.278.

³ V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.174.

QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ XHCN Ở VIỆT NAM

● PGS, TSKH LƯƠNG ĐÌNH HẢI

Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam,

● ThS LÊ THỊ TRANG

Tạp chí Công sản

1. Ảnh hưởng, tác động của phát triển kinh tế thị trường đến dân chủ và dân chủ hóa

Việt Nam chưa có truyền thống về kinh tế thị trường, mặc dầu từ lâu đã có nền kinh tế hàng hóa nhỏ. Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã mang kinh tế thị trường đến, nhưng kém phát triển và bị méo mó do điều kiện lịch sử thời bấy giờ. Trước đổi mới, do chủ trương xóa bỏ kinh tế hàng hóa, xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, vì “kinh tế hàng hóa hàng ngày, hàng giờ đẻ ra chủ nghĩa tư bản”, nên kinh tế hàng hóa luôn bị hạn chế, thậm chí bị thủ tiêu, kinh tế thị trường càng không thể phát triển, dù trình độ và tính chất của

các lực lượng sản xuất đòi hỏi phải phát triển kinh tế hàng hóa và kinh tế thị trường.

Từ năm 1986, Việt Nam thực hiện “đổi mới”. Thực chất của đổi mới là phát triển kinh tế hàng hóa và ngay sau đó là xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Song song với việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, chủ trương mở cửa, hội nhập quốc tế tạo thêm thế và lực mới thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và quá trình chuyển đổi mô hình và phương thức phát triển kinh tế - xã hội. Gần 40 năm chuyển đổi mô hình từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường

định hướng XHCN, đất nước phát triển vượt bậc, giành được những thắng lợi rất quan trọng, toàn diện, có ý nghĩa lịch sử to lớn. Không chỉ thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đổi mới còn đưa nền kinh tế quốc gia bước vào giai đoạn phát triển nhanh, toàn diện, chưa từng thấy, cả về tốc độ tăng trưởng lẫn quy mô nền kinh tế, thay đổi cả về mô hình lẫn phương thức phát triển, cả về định hướng mục tiêu lẫn động lực tăng trưởng và phát triển.

Lý luận về kinh tế thị trường định hướng XHCN bắt đầu được phác thảo những nét cơ bản vào thập niên 1990s, dù khi đó trong các văn kiện của Đảng mới chỉ nói đến phát triển nền kinh tế hàng hóa vận hành theo cơ chế thị trường mà thôi. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX năm 2001 mới khẳng định việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN¹. Kể từ đó lý luận về kinh tế thị trường định hướng XHCN được hình thành, và ngày càng phát triển, hoàn thiện dần. Chưa từng có tiền lệ trong lịch sử nhân loại, nó vừa được triển khai trong thực tiễn trên phạm vi cả nước, vừa được tổng kết lý luận ở quy mô quốc gia và quốc tế. Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc

lần thứ XIII (năm 2021) lý luận đó đã được tổng kết thành mô hình lý luận².

Kinh tế thị trường theo mô hình lý luận đó nằm trong mối quan hệ qua lại chặt chẽ với mô hình CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đổi mới gần 40 năm, nhưng phát triển kinh tế thị trường thì mới gần 25 năm và đã có rất nhiều thành tựu to lớn. Kinh tế thị trường định hướng XHCN đã đảm bảo cho nền kinh tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá cao, vượt qua nhiều thách thức, nhất là trong những điều kiện khó khăn chưa từng có do tác động bên ngoài (thiên tai, dịch bệnh, môi trường quốc tế không thuận lợi do các đợt khủng hoảng kinh tế, v.v.). Nó đã giúp kinh tế vĩ mô ổn định khá vững chắc, môi trường đầu tư kinh doanh thay đổi rất căn bản theo chiều hướng mở rộng tự do, dân chủ, đời sống của nhân dân được cải thiện một cách căn bản, xã hội có nhiều chuyển biến rất tích cực, phát triển nhanh chóng không ngừng.

Thứ nhất, nền kinh tế và xã hội thoát khỏi khủng hoảng, xóa bỏ hết được các hệ lụy trực tiếp của 3 cuộc chiến tranh kéo dài hơn 30 năm và ách đô hộ thực dân hơn 80 năm. Nền kinh tế độc lập,

tự chủ, phát triển ổn định và nhanh, mạnh, quy mô kinh tế gia tăng vượt bậc, cơ cấu chuyên dịch theo hướng hiện đại. *Thứ hai*, đã hình thành được hệ thống chủ thể kinh tế kinh doanh đa dạng, năng động của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với những đặc trưng riêng có. Các loại hình chủ thể kinh tế từ nhà nước, tư nhân, tư bản, hộ gia đình, hợp tác xã, cá nhân, liên doanh, tập đoàn,... tạo thành một mạng lưới chủ thể kinh doanh đa dạng nhất trong lịch sử dân tộc, vừa có tính định hướng tương lai, vừa mang sắc thái dân tộc. *Thứ ba* là đã xây dựng và đang tiếp tục phát triển hệ thống các loại thị trường, hình thành thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Các thị trường đã có những bước phát triển rất mạnh mẽ, góp phần tạo nên nền kinh tế thị trường định hướng XHCN năng động, hiệu quả, phục vụ nhân dân. Thị trường đã trở thành phương thức hoạt động chủ đạo, chính thức, nội trội, cơ bản, nền tảng của nền kinh tế Việt Nam hiện nay. *Thứ tư*, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển, nhanh, mạnh và bền vững. Phân phối thực sự đã được đa

dạng hóa về hình thức và cả nội dung. Các hình thức và nội dung phân phối mới đã giúp cho quá trình xóa đói giảm nghèo diễn ra nhanh hơn, hiệu quả hơn, tích cực hơn, đảm bảo sự công bằng hơn. Việc đảm bảo phân phối công bằng và xóa đói giảm nghèo tốt lại tạo thêm động lực cho sự phát triển. *Thứ năm*, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam ngày càng tham gia sâu vào nền kinh tế thế giới và khẳng định được vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu. Độ mở của nền kinh tế (tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu/tổng thu nhập nội địa) theo sự phát triển của kinh tế thị trường đã ngày càng thêm lớn dần hơn, trên đà phát triển nhanh, mạnh, vững chắc, đang trở thành một trong những con “rồng”, “hổ” thế hệ mới ở châu Á và thế giới ở đầu thế kỷ XXI, như nhiều chuyên gia trong và ngoài nước nhận định³. Những thành tựu phát triển kinh tế định hướng XHCN góp phần đặc biệt quan trọng để đất nước ta “đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới... *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*”⁴.

Xét từ góc độ dân chủ và dân chủ hóa, việc xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN về thực chất, trước hết là quá trình dân chủ hóa đời sống kinh tế. Dân chủ hóa đời sống kinh tế giải phóng các rào cản cho mọi người dân được tự do hoạt động kinh tế, sản xuất, kinh doanh. Trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, người dân không được quyền tự do kinh doanh. Toàn bộ hoạt động kinh tế và kinh doanh thuộc về nhà nước. Một số cơ sở sản xuất và buôn bán nhỏ được phép tồn tại thì bị kiểm soát rất chặt chẽ do thể chế, cơ chế và tư tưởng lo sợ sản xuất, buôn bán nhỏ “hàng ngày hàng giờ để ra chủ nghĩa tư bản”. Ngăn sông, cấm chợ, cấm kinh doanh là đặc trưng nổi bật của thời kỳ bao cấp. Trong hoàn cảnh đó người dân mất quyền tự do sản xuất kinh doanh cá nhân.

Dân chủ trong kinh tế là người dân có quyền và được tự do hoạt động kinh doanh trong thực tế. Nhưng, họ không có quyền, họ bị ngăn cấm, cản trở tiêu thụ sản phẩm hàng hóa do họ sản xuất “dư thừa”⁵ so với nhu cầu tiêu dùng của họ. Tự do và dân chủ trong lĩnh vực kinh tế, trong sản xuất và kinh doanh của người dân tự nhiên đã bị tước đoạt.

Nhân dân là lực lượng lao động của xã hội, nhân tố chính yếu trong các lực lượng sản xuất ở mọi thời đại. Lực lượng sản xuất do vậy bị kìm hãm và ngăn cản, do đó năng suất lao động thấp dần và nền kinh tế sẽ dần bị suy thoái.

Đổi mới bắt đầu với chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Đặc biệt, từ năm 1991, Luật Doanh nghiệp tư nhân quy định: “Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi có quyền thành lập doanh nghiệp tư nhân theo quy định của Luật này. Doanh nghiệp tư nhân là đơn vị kinh doanh có mức vốn không thấp hơn vốn pháp định, do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của doanh nghiệp tư nhân, thừa nhận sự bình đẳng trước pháp luật của doanh nghiệp tư nhân với các doanh nghiệp khác và tính sinh lợi hợp pháp của việc kinh doanh. Trong khuôn khổ pháp luật, chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền tự do kinh doanh và chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh”⁶.

Với chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần được luật hóa, kinh tế tư nhân bắt đầu bùng lên

nhANH chóng. Năm 1996, chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa vận hành theo cơ chế thị trường: “Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa... Vận dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý nền kinh tế thị trường là để sử dụng mặt tích cực của nó phục vụ mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội chứ không đi theo con đường tư bản chủ nghĩa”⁷, đã được chính thức thông qua và sau đó được luật hóa thành Luật Doanh nghiệp (luật số 13/1999/QH10, ngày 12 tháng 6 năm 1999)⁸ trên cơ sở Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1991. Năm 2001, Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX chính thức đưa ra đường lối phát triển kinh tế thị trường: “Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”⁹.

Việc phát triển kinh tế thị trường tất yếu phải đa dạng hóa chế độ và hình

thức sở hữu, bởi đó là thuộc tính của kinh tế thị trường. Đa dạng hóa các chế độ và hình thức sở hữu cùng với việc tự do thành lập doanh nghiệp tư nhân đã làm xuất hiện ngày càng nhiều các chủ thể kinh tế thuộc các hình thức khác nhau, hoạt động song song với các chủ thể kinh tế nhà nước. Tự do thành lập doanh nghiệp và tự do hoạt động sản xuất, kinh doanh là biểu hiện tập trung và rõ nét nhất của dân chủ trong kinh tế ở giai đoạn hình thành nền kinh tế thị trường định hướng XHCN vừa qua.

Trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện tồn tại hai chế độ sở hữu là chế độ sở hữu tư nhân và sở hữu nhà nước, có nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Sở hữu nhà nước được thực hiện qua kinh tế nhà nước với các hình thức khác nhau như: doanh nghiệp nhà nước, công ty liên doanh, công ty cổ phần có vốn nhà nước, hợp tác xã, các loại sở hữu nhà nước (ruộng đất, tài nguyên, vốn ngân sách, nhân lực). Sở hữu tư nhân cũng gồm nhiều hình thức như: doanh nghiệp tư nhân, kinh tế hộ gia đình, doanh nghiệp cổ

phần, tổ hợp tác, kinh doanh cá thể, v.v. Tính chất đa dạng về sở hữu và thành phần kinh tế thể hiện trình độ phát triển các lực lượng sản xuất rất không đồng đều, mức độ xã hội hóa rất khác nhau. Thực hiện đa dạng hóa các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế là phù hợp với trình độ phát triển đó của các lực lượng sản xuất để lực lượng sản xuất được giải phóng. Các chủ thể kinh tế được tự do phát triển, quyền dân chủ trong hoạt động sản xuất và kinh doanh được thực hiện thực tế.

Xét về phương diện thực hiện dân chủ, hoặc dân chủ hóa kinh tế, thì tự do sản xuất, kinh doanh chính là thực hiện quyền con người về kinh tế một cách sát, đúng, trúng nhất. Mọi người dân, mọi tập thể trong xã hội đều có quyền trở thành chủ thể kinh tế, có quyền thành lập doanh nghiệp và tự do hoạt động sản xuất, kinh doanh. Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN là đảm bảo pháp lý, hành chính, thực tiễn cho việc dân chủ hóa trong lĩnh vực kinh tế.

Nhưng, kinh tế thị trường phát triển, tự nó, đưa đến phân hóa xã hội. Giai đoạn đầu của sự phát triển kinh tế thị trường, như thực tiễn trên thế giới

chứng tỏ, gắn với tự do, dân chủ, bình đẳng trong xã hội. “Tự do, bình đẳng, bác ái” đã là khẩu hiệu của cách mạng tư sản châu Âu để phát triển kinh tế thị trường lúc bấy giờ. Khi kinh tế thị trường đã đạt tới giai đoạn độc quyền, tự do, dân chủ, bình đẳng, bác ái chỉ còn giới hạn trong tầng lớp tư sản, là chủ thể của nền kinh tế đó mà thôi. Dân chủ hóa là yêu cầu bắt buộc, là tiền đề để xây dựng kinh tế thị trường. Nhưng kinh tế thị trường khi phát triển đến mức độ nhất định lại dẫn đến độc quyền, làm cho dân chủ hóa bị hạn chế, bị cản trở. Khi đó xã hội buộc phải sử dụng các thiết chế khác để bảo đảm dân chủ. Đây là điểm rất quan trọng, mang ý nghĩa phương pháp luận, cần được chú ý khi xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Định hướng XHCN cần phải có chức năng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để duy trì, tăng cường được tự do, dân chủ trong xã hội khi nền kinh tế thị trường phát triển đến một mức độ nhất định.

2. Ảnh hưởng, tác động của dân chủ và thực hành dân chủ trong xã hội đến phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay

Việt Nam không chỉ không có truyền thống về kinh tế thị trường mà cũng không có cả truyền thống dân chủ xã hội như ở phương Tây. Phương thức sản xuất châu Á, không trải qua dân chủ chủ nô, chế độ phong kiến kéo dài xen lẫn những thời kỳ mất nước, dưới ách đô hộ của ngoại bang, của chủ nghĩa thực dân, kinh tế thị trường không phát triển, nên dân chủ hóa xã hội luôn là khao khát của dân tộc. Mặc dầu trong các làng xã, thôn bản những yếu tố của hình thức dân chủ cộng đồng mà các nhà nghiên cứu vẫn thường gọi là “dân chủ làng xã” vẫn luôn tồn tại dưới những mức độ nhất định. Nhưng nó không thể phát triển thành dân chủ xã hội rộng rãi như ở Tây Âu để trở thành nền dân chủ tư sản. Xã hội Việt Nam trong lịch sử thiếu cả cơ sở kinh tế lẫn cơ sở chính trị, xã hội, tư tưởng cho việc dân chủ hóa. Ở giai đoạn đầu của chế độ phong kiến độc lập, tự chủ, các triều đại đã xem trọng dân, lấy dân là gốc. Tư tưởng đó có trong một số nhà tư tưởng, một số vua, quan¹⁰. Nhưng, tư tưởng dân là gốc đã không thể phát triển thành tư tưởng dân là chủ xã hội.

Mặt khác, các thiết chế xã hội được thiết lập đều nhằm củng cố chế độ quân chủ là độc lập, là rào cản đối với dân chủ và dân chủ hóa xã hội. Phương thức sản xuất châu Á và chế độ phong kiến quân chủ kéo dài hàng ngàn năm, mà cơ sở kinh tế của nó là nền nông nghiệp tiểu nông, cũng là “rào cản bền vững” đối với dân chủ và dân chủ hóa xã hội. Nhìn từ các góc độ khác nhau: từ kinh tế, các thể chế và thiết chế xã hội, đến nguồn lực con người ở Việt Nam trong lịch sử, đều không là điều kiện và tiền đề cho chế độ dân chủ xuất hiện, hoặc du nhập và phát triển. Do điều kiện chiến tranh kéo dài suốt hơn 30 năm chống các đế quốc lớn, sau đó lại bị bao vây cấm vận 20 năm, nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, thể chế quan liêu bao cấp kéo dài, cũng là những nhân tố góp phần làm cho nền dân chủ chưa có được điều kiện và địa bàn đầy đủ để phát triển.

Hồ Chủ tịch và Đảng Cộng sản Việt Nam, từ khi cách mạng tháng Tám thành công đến nay rất nhất quán với quan điểm thực hành dân chủ nhân dân và về sau là dân chủ XHCN. Dân chủ XHCN là một trong những mục tiêu, định hướng, khát vọng, nội dung,

phương thức, động lực, thước đo tiến bộ xã hội. Đường lối, cương lĩnh, sách lược, chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập đến nay cũng thể hiện điều đó. Những kỳ Đại hội và các văn kiện Đảng trong hai thập niên nay càng nhấn mạnh điều đó.

Kinh tế thị trường đòi hỏi tự do, dân chủ trong kinh tế một cách trực tiếp mới hình thành và phát triển được. Không có tự do sản xuất, kinh doanh, không có quyền làm chủ các tư liệu sản xuất, không có sở hữu đa thành phần thì không thể có kinh tế thị trường. Nhưng kinh tế thị trường cũng có mặt trái ngược với dân chủ khi nó chuyển từ thị trường tự do cạnh tranh sang thị trường độc quyền. Lịch sử phát triển của kinh tế thị trường và của dân chủ hóa trong lịch sử nhân loại cho thấy đây là hai hiện tượng xã hội độc lập nhau, có quan hệ qua lại với nhau. Nhưng chúng không hoàn toàn thuận chiều hoặc ngược chiều vận động với nhau. Dân chủ, dưới hình thái tư tưởng hay dưới hình thái chế độ chính trị, hoặc dưới hình thái thể chế, thiết chế trong các xã hội, thì cũng không phải lúc nào, ở đâu, cũng thúc đẩy kinh tế thị trường. Ngược lại, kinh tế thị

trường hình thành và phát triển không phải lúc nào, ở đâu cũng thúc đẩy dân chủ. Kinh tế thị trường TBCN giai đoạn tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền và cả giai đoạn hiện nay đã cho thấy điều phân tích này. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin và nhiều học giả trên thế giới đã phê phán tính chất hạn hẹp của dân chủ tư sản, phê phán nền kinh tế thị trường TBCN hiện đại đưa đến sự phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn không chỉ giữa các giai tầng mà còn giữa các quốc gia, khu vực. Sự phân hóa đó càng làm xã hội mất dân chủ, bó hẹp dân chủ. Giai đoạn hiện nay trong các xã hội TBCN ở phương Tây có vẻ như kinh tế thị trường phát triển cao thì có dân chủ rộng mở hơn. Nhưng xem xét kỹ thì không phải hoàn toàn như vậy. Sự phát triển của nền kinh tế thị trường TBCN hiện nay do nhiều nguyên nhân khác nhau. Trước hết do sự phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật, sau nữa là của cách mạng khoa học - công nghệ, của hai cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư, do phong trào đấu tranh của các lực lượng tiến bộ trên phạm vi toàn thế giới trong đó có hệ thống XHCN trước đây và

phong trào công nhân trong các nước TBCN phát triển.

Dân chủ là nhân tố có tính độc lập tương đối lớn với nền kinh tế thị trường. Tất nhiên, dân chủ phụ thuộc và trình độ phát triển kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất. Nhưng, điều đó không có nghĩa là sự phát triển kinh tế thị trường luôn tỷ lệ thuận với sự mở rộng và phát triển dân chủ. Dân chủ là một loại quan hệ xã hội, nên về nguyên tắc nó bị cơ sở hạ tầng chi phối. Nhưng dân chủ có phạm vi bao trùm lớn hơn kinh tế. Dân chủ trong kinh tế chỉ là một phần, một lĩnh vực của đời sống xã hội. Dân chủ trong kinh tế có vai trò hết sức to lớn đối với dân chủ trong các lĩnh vực khác, như dân chủ trong chính trị, trong tư tưởng, trong giáo dục, trong văn hóa, trong lĩnh vực xã hội, v.v. Dân chủ trong mỗi lĩnh vực đó lại phụ thuộc nhiều yếu tố khác như truyền thống văn hóa, trình độ phát triển con người, chất lượng dân cư, mức độ đô thị hóa, sự phát triển của các công nghệ thông tin và truyền thông, thể chế chính trị, bối cảnh quốc tế, v.v.

Kinh tế thị trường có thể tác động đến dân chủ theo cả hai hướng thúc đẩy dân chủ hóa hoặc thu hẹp, cản trở

dân chủ hóa, có thể theo phương thức trực tiếp, có thể theo phương thức gián tiếp, tức là thông qua các yếu tố khác. Ngược lại dân chủ cũng có thể trực tiếp bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế rồi mở rộng qua các lĩnh vực khác tùy thuộc và các điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Nhưng cũng có thể bắt nguồn từ các lĩnh vực khác như trong chính trị hoặc văn hóa rồi mới thâm nhập vào kinh tế. Khi dân chủ xã hội được mở rộng và phát triển thì nó lại thúc đẩy và tạo điều kiện, cơ hội thuận lợi cho sự phát triển kinh tế thị trường.

Kinh tế thị trường định hướng XHCN và dân chủ XHCN chưa có tiền lệ trong lịch sử. Do điều kiện đặc thù Việt Nam đi vào thời kỳ quá độ lên CNXH với trình độ phát triển các lực lượng sản xuất vẫn thấp kém, tụt hậu so với các quốc gia đã công nghiệp hóa ở trình độ cao của lực lượng sản xuất. Tính chất đặc thù nổi bật nhất của nền kinh tế thị trường Việt Nam hiện nay chính là tính định hướng XHCN. Dân chủ XHCN là một công cụ, phương tiện, phương thức để hạn chế những mặt trái của kinh tế thị trường, hạn chế chính tác động cản trở của kinh tế thị trường đối với dân chủ hóa. Tính định

hướng XHCN của kinh tế thị trường định hướng XHCN bao chứa nội hàm, nội dung dân chủ hóa như một trong những cấu phần không thể thiếu. Nếu chỉ phát triển kinh tế thị trường mà không thực hiện dân chủ và dân chủ hóa xã hội thì tất yếu sẽ quá độ lên CNTB như lịch sử các nước trên thế giới mấy trăm năm qua đã chỉ ra. Dân chủ hóa trong nội dung định hướng XHCN đối với phát triển kinh tế thị trường làm giảm nhẹ, ngăn chặn những “thương đau”, “mất mát”, “tai họa” mà sự phát triển kinh tế thị trường tự nó luôn mang lại cho xã hội cả hiện tại và tương lai.

Dân chủ, dù tính chất và mức độ khác nhau trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, nhưng đều là biểu hiện tiến bộ xã hội. Bởi thế nó là nhân tố tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế và các lĩnh vực xã hội khác nhau, thúc đẩy phát triển con người. Thể chế dân chủ là động lực có thể thúc đẩy trực tiếp sự phát triển con người với tính cách là một cấu thành của các lực lượng sản xuất. Nó tạo cho con người vị thế làm chủ, được tự do và có các điều kiện đảm bảo vị thế người chủ, do đó nó góp phần giải phóng các năng lực của

con người, tức cũng là giải phóng năng lực của các lực lượng sản xuất. Khi thúc đẩy các lực lượng sản xuất phát triển sẽ thúc đẩy các quan hệ sản xuất phát triển tương xứng với các lực lượng sản xuất đó, có nghĩa là làm thay đổi tồn tại xã hội và cơ sở hạ tầng. Từ đó lại thúc đẩy kiến trúc thượng tầng biến đổi. Bằng cách đó dân chủ không chỉ thúc đẩy kinh tế thị trường phát triển mà còn thúc đẩy các lực lượng sản xuất của nền kinh tế thị trường và toàn bộ đời sống xã hội trên đó biến đổi, phát triển. Dân chủ tư sản đã vậy, dân chủ XHCN tiến bộ hơn dân chủ tư sản thì vai trò đó càng lớn hơn, sâu rộng hơn, tích cực hơn.

Ở phương diện xã hội, khi thể chế dân chủ được xác lập và việc dân chủ hóa được thực hiện thì nó tạo chuyển biến sâu sắc, mạnh mẽ, rộng lớn đến tất cả các lĩnh vực xã hội, như luật pháp, tư duy, lối sống, đạo đức, tập quán, giáo dục, khoa học và công nghệ, các quan hệ xã hội nói chung, các thiết chế, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, làm cho chúng chuyển động, linh hoạt, thay đổi dễ và nhanh hơn, không bị cứng nhắc, cố định, bảo thủ, trì trệ. Nhờ đó xã hội sẽ cởi mở, năng động, tích

cực và sôi động, sống động hơn, thúc đẩy sự phát triển của con người và các chủ thể xã hội khác. Kinh tế thị trường có thuộc tính cố hữu là gắn liền với sự năng động, linh hoạt, đòi hỏi thể chế mở, đối lập với tính khép kín, cô lập, tách biệt. Điều đó tương đồng với dân chủ và dân chủ hóa. Do vậy dân chủ và dân chủ hóa là không cản trở mà là thích hợp cho kinh tế thị trường phát triển. Dân chủ XHCN, do vậy, đương nhiên về nguyên tắc, luôn là động lực, là điều kiện cho sự phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Thiếu dân chủ thực sự, hoặc dân chủ hóa bị ngăn trở, bị hạn chế trong các nước thuộc hệ thống XHCN trước đây là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ nhanh chóng của hệ thống đó. Mở rộng dân chủ, dân chủ hóa hoặc thực hành dân chủ rộng rãi sẽ là động lực tích cực cho sự phát triển quốc gia, con người và xã hội.

Dân chủ và dân chủ hóa là động lực, môi trường, điều kiện, tiền đề của sự phát triển kinh tế thị trường, phát triển con người và xã hội. Chính sự phát triển của con người và xã hội đến lượt nó lại thúc đẩy sự phát triển của kinh tế thị trường. Nếu không thực sự dân

chủ hóa, thực hành dân chủ, mở rộng dân chủ thì xã hội sẽ trở nên “khép kín”, mất tính linh hoạt, năng động, sẽ không phát triển và không thúc đẩy kinh tế phát triển, sẽ sa vào ngưng trệ, khủng hoảng. Việt Nam đang phát triển kinh tế thị trường và đang dân chủ hóa XHCN, và xem đó là những mục tiêu rất căn bản và quan trọng trong thời kỳ quá độ hiện nay. Nhưng do đi vào kinh tế thị trường từ nền sản xuất nhỏ, với trình độ phát triển các lực lượng sản xuất rất khác nhau giữa các vùng, miền, ngành, nghề, những hệ lụy thời kỳ tích lũy nguyên thủy của kinh tế thị trường dù có định hướng XHCN, trong điều kiện khác xưa, vẫn thể hiện ở những dạng thức và mức độ khác nhau. Để hạn chế tối đa những hệ lụy, những mặt trái của kinh tế thị trường giai đoạn tích lũy nguyên thủy, đòi hỏi phải dân chủ hóa XHCN thực sự sâu, rộng và mạnh mẽ. Đó sẽ là phương tiện, động lực, phương cách để nền kinh tế thị trường có thể đảm bảo và có nhiều hơn định hướng XHCN, bởi bản thân kinh tế thị trường không thể có định hướng XHCN.

Kinh tế thị trường định hướng XHCN mà Việt Nam hiện đang xây

dựng, hoàn thiện và phát triển trong bối cảnh các lực lượng sản xuất kém phát triển lại kèm thêm những yếu kém trong quản lý, tổ chức đời sống xã hội nên đã tích tụ những hệ lụy khó lường, khó khắc phục. Đó là những mặt trái, tiêu cực, như tham nhũng, lãng phí, cộng thêm những hệ lụy của cơ chế quan liêu, bao cấp, hành chính, mệnh lệnh, thói quen, cách nghĩ, lối sống của con người Việt Nam chưa trải qua chế độ dân chủ đầy đủ, v.v. Chính những cái đó đang là rào cản, là trở ngại cho việc định hướng XHCN cả về phương diện kinh tế lẫn phương diện xã hội và con người. Để hạn chế, phá bỏ những rào cản, trở ngại đó, không thể bằng con đường nào khác ngoài dân chủ hóa XHCN thực sự một cách nhanh chóng, sâu rộng. Trong bối cảnh cách mạng khoa học - công nghệ gắn liền với cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư hiện nay các điều kiện, tiền đề, phương tiện, và kỹ thuật, công nghệ phục vụ cho dân chủ hóa đều đã sẵn sàng. Vấn đề là các chủ thể xã hội cần biết khai thác, sử dụng chúng đúng mục đích và đúng phương thức, có hiệu quả thực sự.

Dân chủ luôn bao hàm trong nó tính minh bạch, tính công khai, tự do, giải trình và trách nhiệm. Càng là dân chủ hóa XHCN thì các nội dung đó càng phải được nhận thức, quán triệt và thực hiện đầy đủ, đồng thời, đồng bộ trong hiện thực. Trong thực tế hiện nay, có nhiều nơi, nhiều lúc, nhiều vụ việc, dân chủ hóa mà các nội dung đó không được triển khai đầy đủ, thường xuyên, liên tục mà rất hạn hẹp và hạn chế¹¹. Do vậy, dân chủ và dân chủ hóa có thừa trong lý luận, trong sách vở, mà trong thực tế đã không được đảm bảo. Nhiệm vụ rất quan trọng hiện nay của sự nghiệp đổi mới là dân chủ hóa XHCN thực sự trong thực tế để nó là động lực cho sự phát triển kinh tế thị trường, phát triển con người và xã hội.

Nói tóm lại, kinh tế thị trường định hướng XHCN và dân chủ, dân chủ hóa XHCN là hai hiện tượng xã hội, hai quá trình xã hội song song tồn tại, phát triển. Chúng có quan hệ qua lại với nhau, nhưng không theo kiểu quyết định luận, cũng không có quan hệ theo mô hình tuyến tính thuận hay nghịch với nhau. Chúng tác động lẫn nhau với tính cách là hai quá trình, hai hiện tượng độc lập cùng tồn tại và tương tác

lẫn nhau. Để hình thành kinh tế thị trường thì phải có nhiều hình thức sở hữu, có dân chủ, tự do hoạt động sản xuất, kinh doanh, tự do buôn bán, lưu chuyển hàng hóa. Dân chủ là điều kiện, tiền đề của sự hình thành kinh tế thị trường lúc đó. Nhưng đến một giai đoạn phát triển nhất định, kinh tế thị trường chuyển giai đoạn sang độc quyền thì nó lại hạn chế dân chủ và dân chủ hóa chỉ trong một tầng lớp xã hội, thậm chí chuyển sang chế độ độc tài.

Để phát triển kinh tế, con người, xã hội nhanh, mạnh, bền vững trong thời đại ngày nay thì không thể không có dân chủ và dân chủ hóa ngày càng sâu, rộng, nhanh, mạnh. Dân chủ và dân chủ hóa XHCN là điều kiện, tiền đề, động lực tất yếu của sự phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Cùng với việc đẩy nhanh phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, thì dân chủ hóa XHCN thực sự trong thực tế, là

một nhiệm vụ đặc biệt có ý nghĩa, để hạn chế những hệ lụy tiêu cực của kinh tế thị trường, hạn chế những sai lầm chủ quan. Dân chủ hóa XHCN thực sự trong thực tế tạo động lực mới cho sự phát triển của kinh tế thị trường định hướng XHCN, thúc đẩy sự phát triển con người và xã hội. Việc tạo ra những bước phát triển mới cho con người và xã hội tạo điều kiện và tiền đề cho sự phát triển các lực lượng sản xuất của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN vững chắc hơn, hiệu quả hơn. Sự cộng hưởng của hai hiện tượng, hai quá trình cơ bản này của xã hội Việt Nam hiện tại đã có điều kiện, tiền đề, phương tiện thực hiện cả về kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, khoa học và công nghệ, thể chế và bối cảnh quốc tế. Nhiệm vụ phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN từ nay đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045 không thể tách rời nhiệm vụ dân chủ hóa XHCN ■

¹ Xem: ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001, tr.48.

^{2,4} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự

thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.128-132, 103-104.

³ Xem Minh Thư (2024): *Việt Nam sẽ sớm vươn lên trở thành con rồng mới của châu Á*, tại <https://baophunuthudo.vn>; Tiến Dũng (2024): Thủ tướng New Zealand: “Việt Nam đã trở thành một con rồng với sự phát triển vượt bậc”, tại <https://vneconomy.vn>; Hoàng Nguyễn (2024): *Thoát khỏi thu nhập trung bình thấp sau 30 năm, đâu là con đường phát triển lý tưởng để Việt Nam trở thành nước thu nhập cao vào năm 2045?* Tại <https://cafef.vn>; Nguyễn Huyền (2023): *Việt Nam là nền kinh tế mạnh và có tiềm năng trở thành “con hổ mới” của châu Á*, tại <https://thitruongtaichinhhtiente.vn>.

⁵ Dư thừa ở đây theo nghĩa là dư thừa tương đối, tạm thời tại một thời điểm xác định, hoặc do nhu cầu phải bán bớt loại sản phẩm này để mua loại sản phẩm khác cho tiêu dung của chính họ. Thí dụ, một hộ nông dân giết thịt một con lợn hoặc bò. Họ chỉ có thể chế biến, bảo quản để dùng trong 1-2 tuần với số lượng thịt hạn chế, số còn lại họ có nhu cầu đưa ra thị trường bán để lấy tiền mua sắm các sản phẩm khác như quần áo, sách vở, gạo, thực phẩm khác, v.v.

⁶ Luật Doanh nghiệp tư nhân được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam khoá VIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1990, ban hành ngày 02 tháng 01 năm 1991, tại : <https://www.moj.gov.vn>; (cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp - Doanh nghiệp tư nhân), truy cập ngày 16/07/2024; hoặc tại địa chỉ: <https://vanban.chinhphu.vn> (cổng Thông tin điện tử Chính phủ, văn bản.chinhphu.vn, Luật số 48/LCT/HĐNN8 của Quốc hội: Luật Doanh nghiệp tư nhân, truy cập ngày 16/07/2024.

⁷ *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII* tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, tại <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>.

⁸ Xem: <https://thuvienphapluat.vn>.

⁹ *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII* tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, ngày 19-22/4/2001, tại: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>

¹⁰ Triều đại nhà Trần với “Hội nghị Diên hồng”, Triều đại nhà Lê với Nguyễn Trãi, v.v.

¹¹ Thí dụ, những nơi công cộng, thực thi công quyền, con người công chúng, nhưng lại cấm quay phim, chụp ảnh. Điều này trong thực chất đã hạn chế dân chủ, không còn công khai, minh bạch, v.v. Kê khai tài sản của cán bộ, công chức, nhưng lại không công khai cũng là hạn chế dân chủ bởi tính công khai, minh bạch, giải trình không được đảm bảo. Trong khi đó ở một số nước dân chủ tư sản thấp hơn dân chủ vô sản lại thực hiện được các công khai đó.

NHỮNG THUẬN LỢI, THỜI CƠ, KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC, QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP ĐỂ ĐẨY MẠNH ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

● TS NGUYỄN MINH VŨ

Ủy viên Dự khuyết Trung ương Đảng,

Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao

1. Thế giới đang trải qua những biến đổi sâu sắc mang tính thời đại

Thế giới đang trong quá trình biến đổi căn bản, sâu sắc về mọi mặt, mang tính cấu trúc và tầm thời đại dưới tác động của các chuyển dịch địa chính trị, địa chiến lược, xu hướng phát triển kinh tế mới, cuộc cách mạng khoa học công nghệ và sự nổi lên của các thách thức an ninh mới. Tất cả những thay đổi này đang định hình nên một môi trường quốc tế đa chiều hơn, mở ra những thời cơ, vận hội lớn nhưng cũng đồng thời đi kèm với nhiều thách thức, thậm chí rủi ro đối với an ninh và phát triển của tất cả các quốc gia.

Cục diện thế giới đang ở trong giai đoạn quá độ, chuyển dịch nhanh sang trật tự mới theo hướng đa cực, đa trung tâm. Bên cạnh hai siêu cường Mỹ và Trung Quốc là sự cạnh tranh của các cường quốc khác như Nga, Ấn Độ..., sự vươn lên của các nước đang phát triển mới nổi và sự xuất hiện của các chủ thể phi nhà nước, nhất là các tập đoàn công nghệ làm gia tăng xu hướng “tán quyền”. Hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng đứng trước nhiều thách thức nghiêm trọng nhất kể từ sau Chiến tranh Lạnh. Bất ổn, xung đột diễn ra đa chiều hơn với nhiều hình thái, tính chất mới, và tính liên thông, lan tỏa giữa các cuộc xung

đột ngày càng gia tăng, phạm vi, mức độ tác động ngày càng có tính toàn cầu. Tuy các nước lớn vẫn cố gắng kiểm soát bất đồng, hợp tác trong các vấn đề có chung lợi ích, mặt cạnh tranh chiến lược nhiều khả năng sẽ tiếp tục là mặt chủ đạo trong quan hệ trên các mặt an ninh, kinh tế, công nghệ và ý thức hệ, các sáng kiến.

Kinh tế thế giới bước vào giai đoạn phát triển mới, đem đến triển vọng phát triển đột phá, trên nền tảng cốt lõi của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 cùng những công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo - AI, công nghiệp bán dẫn, công nghiệp sinh học, internet vệ tinh, 5G, 6G... làm xuất hiện lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất mới. Công nghệ mới trở thành động lực cho nền kinh tế mới như thương mại điện tử, công nghệ tài chính (fintech), ngân hàng số, chuỗi khối (blockchain)... Các xu hướng phát triển bền vững và bao trùm được đẩy mạnh với sự xuất hiện của các xu hướng chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng...

Toàn cầu hóa và liên kết kinh tế quốc tế tiếp tục được thúc đẩy nhưng đang chuyển dịch sang những hình thức và

lĩnh vực mới do sự điều chỉnh các chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất, chuỗi đổi mới sáng tạo. Khu vực hóa mạnh lên do sự bế tắc trong nhiều tiến trình hợp tác toàn cầu và tác động của yếu tố địa lý thuận lợi cho việc kết nối giữa các nền kinh tế. Thương mại, đầu tư và liên kết quốc tế gặp nhiều thách thức hơn do sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ và xu hướng chính trị cường quyền, hành xử đơn phương. Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung và đầu tư ưu tiên theo đổi mới, khu vực địa lý gần gũi trong khi xu hướng “phân tách” giữa các nước lớn khiến toàn cầu hóa bị phân mảnh, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ cao và hàng hóa chiến lược.

Các thể chế đa phương và luật pháp quốc tế đối mặt với nhiều thách thức nhưng vẫn được đa số các nước coi trọng, đề cao. Bất ổn, xung đột và các vấn đề toàn cầu làm xói mòn các hệ thống, cách thức quản trị hiện có và đặt ra yêu cầu mới về quản trị toàn cầu. Xuất hiện nhiều hơn các hình thức liên kết, hợp tác đa phương mới, trong đó có các cơ chế “tiểu đa phương”, nhất là trong các lĩnh vực mới. Luật pháp và chuẩn mực quốc tế tiếp tục được điều chỉnh, hình thành nhiều “luật

chơi” mới, nhất là trong các lĩnh vực mới như dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, an ninh không gian...

Cùng với những thay đổi sâu sắc về chính trị, kinh tế, thế giới cũng đang chứng kiến sự biến đổi sâu sắc trong nhiều mặt đời sống xã hội với sự xuất hiện của các xu hướng, trào lưu mới, trong đó nổi lên là sự thay đổi về nhân khẩu học, ứng dụng rô bốt tự động hóa, trí tuệ nhân tạo thay thế lao động truyền thống, tầng lớp trung lưu toàn cầu gia tăng... đặt ra bài toán về điều chỉnh cách thức và phương pháp quản trị quốc gia. Nội trị các quốc gia, khu vực sẽ chịu tác động mạnh mẽ của căng thẳng địa - chính trị, mặt trái của toàn cầu hóa, nguy cơ xâm lăng văn hóa, di cư/nhập cư, các trào lưu xã hội mới, tin giả, tin xấu độc, chủ nghĩa cực đoan trên mạng xã hội.

Những vấn đề toàn cầu cấp bách như biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh mạng, khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia ngày càng tác động đa chiều, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển ổn định, bền vững của thế giới, khu vực, thách thức năng lực quản trị của các quốc gia và các thể chế

đa phương. Các thách thức an ninh phi truyền thống sẽ ngày càng tác động liên thông, đa chiều, xuyên biên giới, đòi hỏi cách tiếp cận đa ngành, liên lĩnh vực và nguồn lực ứng phó ở quy mô toàn cầu.

2. Vấn đề đặt ra, thời cơ và thách thức khi bước vào kỷ nguyên mới

Tình hình thế giới và trong nước có cả *thuận lợi và thời cơ, khó khăn và thách thức, đặt ra những vấn đề mới, yêu cầu mới* đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

(i) Thuận lợi, cơ hội

- Sức mạnh tổng hợp, thế và lực của đất nước sau 40 năm Đổi mới đã được nâng lên đáng kể. Về sức mạnh kinh tế, tính chung trong 40 năm Đổi mới, GDP Việt Nam đạt khoảng 470 tỷ USD, là nền kinh tế lớn thứ 34 trên thế giới; tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình đạt trên 6%. Về triển vọng lâu dài, nhiều tổ chức dự báo đến năm 2050, Việt Nam sẽ lọt vào nhóm 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới. Việt Nam được đánh giá là một trong những nước có độ ổn định chính trị - xã hội cao trong khu vực. Về sức mạnh quân sự, tiềm lực kinh tế gia tăng đã góp phần quan trọng nâng cao năng lực quốc phòng

và khả năng bảo vệ đất nước. Theo đánh giá của tổ chức Global Firepower (một tổ chức xếp hạng quân sự), năm 2024 Việt Nam có sức mạnh quân sự xếp thứ 22 thế giới và thứ 2 ở Đông Nam Á. Bên cạnh đó, sức mạnh mềm Việt Nam, lịch sử hào hùng của dân tộc, những thành tựu quan trọng của công cuộc Đổi mới và đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng và Nhà nước ta là những nhân tố quan trọng tôn cao vị thế và sức mạnh mềm của đất nước. Kinh nghiệm thành công của Việt Nam trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm ổn định chính trị - xã hội được nhiều bạn bè, đối tác quốc tế đánh giá cao.

- *Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn tạo điều kiện cho ta phát triển và nâng cao vị trí trên trường quốc tế.* Về chính trị - an ninh, nhìn trên quy mô toàn cầu, mặc dù chiến tranh, xung đột vũ trang giữa các quốc gia gia tăng hơn trong những năm gần đây nhưng xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn và nguyện vọng chung của các dân tộc. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, khác với nhiều khu vực khác, Châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á cơ bản

có hòa bình, không xảy ra xung đột nóng. Mâu thuẫn, cọ xát lợi ích giữa các nước lớn cũng như các điểm nóng khu vực vẫn được kiểm soát dù vẫn tiềm ẩn nguy cơ xung đột. Cục diện hòa bình trong khu vực tạo điều kiện cho Việt Nam tập trung nguồn lực phát triển kinh tế, đẩy mạnh hội nhập quốc tế để nâng cao hơn nữa thế và lực của đất nước. Kinh tế thế giới đang dần phục hồi dù tốc độ còn chậm, trong đó Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phát triển năng động nhất thế giới, cao gần gấp đôi mức trung bình thế giới, đi đầu trong xu thế liên kết kinh tế. Nằm giữa khu vực Châu Á - Thái Bình Dương phát triển năng động, Việt Nam cũng tận dụng được lợi thế và xu thế chung của khu vực, tăng trưởng kinh tế ở mức tương đối cao trong khu vực.

- *Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra trên thế giới tạo điều kiện cho các nước đi sau như Việt Nam bứt phá, vươn lên, rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước đi trước.* Các nước đi sau có cơ hội tranh thủ, nắm bắt những cơ hội mới của các ngành, công nghiệp định hình tương lai như như trí tuệ nhân tạo, công nghiệp bán dẫn, internet vạn vật... cũng như các xu

hướng bền vững và bao trùm được đẩy mạnh như kinh tế số, kinh tế xanh... Khác với các giai đoạn phát triển trước dựa nhiều vào vốn và lao động, các quốc gia có sự chuẩn bị tốt, có nguồn lực tri thức sẵn sàng có thể tranh thủ cơ hội phát triển mới. Việc Việt Nam liên tục nâng cao thứ hạng trong Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu, xếp hạng 44/133 quốc gia trong năm 2024 với kết quả đổi mới sáng tạo cao hơn so với mức độ phát triển là cơ hội để tranh thủ các cơ hội mới này.

- *Giá trị địa - chiến lược và vị thế của Việt Nam trong chính sách của các nước lớn đối với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tăng hơn trước.* Do các dịch chuyển quyền lực diễn ra trên thế giới, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương ngày càng có xu hướng trở thành trung tâm quyền lực của thế giới trong thế kỷ 21. Sức hấp dẫn địa - kinh tế và địa - chiến lược của khu vực cũng như sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc khiến tất cả các nước lớn trong và ngoài khu vực đều có những điều chỉnh chính sách theo hướng coi trọng hơn Châu Á - Thái Bình Dương trong các ưu tiên đối ngoại và coi trọng hơn vị trí, vai trò của ASEAN và Việt Nam trong

chính sách đối với khu vực. Mặc dù lợi ích và mục tiêu khác nhau, song tất cả các nước lớn đều coi trọng vai trò, vị trí của ASEAN và Việt Nam, khẳng định ủng hộ vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực đang định hình. Đồng thời với việc các nước tầm trung gia tăng vai trò và tập hợp lực lượng, không muốn phải “chọn bên” giữa Trung Quốc và Mỹ cũng là xu thế thuận, giảm bớt rủi ro bị kẹt trong cạnh tranh chiến lược Trung - Mỹ.

(ii) Khó khăn, thách thức

- *Sự nổi lên các trào lưu không thuận như chính trị cường quyền, chủ nghĩa dân tộc, bảo hộ thương mại ảnh hưởng đến vai trò của chủ nghĩa đa phương và luật pháp quốc tế trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng.* Sự trỗi dậy của chính trị cường quyền, nước lớn và chủ nghĩa dân tộc, dân túy tại nhiều quốc gia kéo theo đó làm suy giảm vai trò chủ nghĩa đa phương, luật pháp quốc tế. Đối với một quốc gia vừa và nhỏ đang đẩy mạnh hội nhập quốc tế, dựa vào ngoại giao đa phương và luật pháp quốc tế, Việt Nam đối mặt với nhiều bất lợi. Với nền kinh tế có độ mở rất lớn, Việt Nam đặc biệt dễ tổn thương

trước xu thế bảo hộ thương mại. Thực tế từ sau đại dịch Covid 19 đến nay, nền kinh tế nước ta biến động lớn theo diễn biến của kinh tế thế giới, nhất là các biến động của các đối tác lớn, chủ chốt về thương mại, đầu tư của ta.

- *Cạnh tranh chiến lược gia tăng giữa các nước lớn ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cũng đặt ra cho ta nhiều thách thức mới.* Là khu vực trọng điểm của cạnh tranh chiến lược nước lớn, cò xát chiến lược Mỹ - Trung khiến môi trường an ninh của ta diễn biến ngày càng phức tạp. Các nước vừa và nhỏ trong khu vực đối mặt với sự lôi kéo từ các nước lớn, nhất là Trung Quốc và Mỹ, gây sức ép lên các nước phải “chọn bên”. Cạnh tranh nước lớn cũng đã và đang ảnh hưởng đến đoàn kết và vị thế của ASEAN, ảnh hưởng đến vai trò trung tâm của ASEAN trong các cấu trúc khu vực. Nguy cơ xung đột từ các điểm nóng ở khu vực, nhất là va chạm ở Biển Đông luôn thường trực, khiến môi trường chiến lược ở khu vực bất ổn và phức tạp hơn trước.

- *Các xu hướng phát triển mới và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 làm gia tăng nguy cơ tụt hậu cho các nước đang phát triển.* Những biến chuyển

về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất mới trong nền kinh tế thế giới dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tạo ra những cơ hội mới nhưng cũng đặt ra thách thức lớn hơn cho các nước đang phát triển đi sau vốn ở thế bất lợi hơn các nước phát triển trong việc tranh thủ cơ hội đột phá. So với mặt bằng chung của thế giới, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp và hàng hóa Việt Nam còn thấp. Tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào khu vực FDI trong khi khu vực kinh tế nhà nước và tư nhân chưa hiệu quả và phát huy được tiềm lực. Những nguy cơ có thể rơi vào bẫy thu nhập trung bình vẫn hiện hữu như tốc độ tăng trưởng chậm lại sau khi gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình; mô hình kinh tế còn dựa nhiều vào thâm dụng vốn và lao động; cơ cấu “dân số vàng” sắp qua (dự kiến từ sau 2030) trong khi thu nhập bình quân đầu người còn thấp.

- *Năng lực hội nhập quốc tế của ta tuy đã được nâng cao một bước nhưng vẫn còn bất cập, hạn chế.* Sự sẵn sàng và năng lực hấp thu các thành quả của công cuộc hội nhập quốc tế của doanh nghiệp, người dân Việt Nam còn thấp.

Đồng thời ta đang đối mặt với yêu cầu khó khăn trong việc xử lý hài hòa mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế sâu rộng, giữa tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững. Độ mở lớn của nền kinh tế với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu gần 200% GDP một mặt giúp thúc đẩy tốc độ tăng trưởng nếu tranh thủ được các thị trường quốc tế, song cũng làm tăng mức độ dễ tổn thương của kinh tế Việt Nam trước các cú sốc và biến động bên ngoài.

Những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đó đang đặt ra nhiều vấn đề lớn cho đối ngoại và hội nhập quốc tế. Một là cục diện mới đang hình thành sẽ tác động sâu sắc đến đất nước ta, trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xã hội, văn hóa... đặt ra yêu cầu định vị Việt Nam sao cho thuận lợi nhất trong cục diện thế giới đang định hình. ***Hai là*** cạnh tranh chiến lược ngày càng gia tăng làm xuất hiện những thách thức mới trong việc giữ cục diện đối ngoại rộng mở, hữu nghị và phát triển hài hòa, cân bằng quan hệ với các nước lớn. ***Ba là*** sự xuất hiện các xu hướng phát triển mới đòi hỏi phải liên tục thích ứng, nắm bắt kịp

thời các cơ hội mới, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. ***Bốn là*** bất ổn, xung đột gia tăng gây khó khăn hơn cho việc vừa bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển.

3. Một số quan điểm, định hướng và giải pháp đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên mới

Như lời Tổng Bí thư Tô Lâm đã nói đất nước ta đang đứng trước khởi điểm lịch sử mới, kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Đây là thời điểm “hội tụ” tổng hòa sức mạnh, tiềm lực của đất nước cũng như yêu cầu, đòi hỏi của thời đại để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Tiếp sau kỷ nguyên độc lập và kỷ nguyên đổi mới, việc đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, vươn mình của dân tộc là yêu cầu cấp thiết của đất nước để hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược đến năm 2030 và 2045.

Việc đưa đất nước vào kỷ nguyên vươn mình là phù hợp với xu thế của thời đại và thực tiễn, kinh nghiệm của các nước đi trước. Lịch sử phát triển của nhân loại đã chứng minh để một quốc

gia vươn lên trong nền chính trị, kinh tế và văn minh thế giới đòi hỏi có sự bứt phá, bứt tốc mạnh mẽ. Bài học của các quốc gia đang phát triển vươn lên trở thành các quốc gia tiên tiến, của các con rồng, con hổ châu Á cho thấy đều trải qua thời kỳ vươn mình, có sự phát triển đột phá thay đổi căn bản về chất.

Đổi ngoại, ngoại giao trong kỷ nguyên mới sẽ tiếp tục kế thừa các mục tiêu, nguyên tắc, phương châm, phương thức đối ngoại đã được khẳng định trong chặng đường 80 năm của nền đối ngoại, ngoại giao cách mạng Việt Nam. Đó là đường lối đối ngoại được xây dựng trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, truyền thống ngoại giao của dân tộc và tiếp thu tinh hoa của nhân loại. Những thắng lợi mang tính lịch sử của đối ngoại Việt Nam trong gần 80 năm qua là minh chứng sinh động cho tính đúng đắn, hiệu quả của đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Đường lối đối ngoại đó không chỉ là sự lựa chọn của nhân dân Việt Nam mà còn được sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

Đồng thời trước những biến chuyển to lớn của thời đại đặt ra yêu cầu đối

ngoại, ngoại giao Việt Nam phải có những đổi mới căn bản đáp ứng yêu cầu của tình hình quốc tế và bối cảnh đất nước trong giai đoạn hiện nay. Trên nền tảng đó, trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, đối ngoại và ngoại giao cần triển khai theo các hướng sau:

Thứ nhất, đổi ngoại phát huy vai trò tiên phong củng cố cục diện thuận lợi cho đất nước, tạo dựng các khuôn khổ quan hệ vững vàng trước những biến đổi sâu sắc của thời đại. Tầm vóc quan hệ đối ngoại mới sau khi nâng tầm, nâng cấp khuôn khổ quan hệ với các nước từ đầu nhiệm kỳ đến nay đặt ra yêu cầu mới về tạo lập sự bền vững trong các mối quan hệ. Nếu việc phát triển rộng mở các mối quan hệ trước đây đã tạo lập cục diện đối ngoại thuận lợi với các đối tác; tầm vóc mới của quan hệ hiện nay đòi hỏi đưa cục diện quan hệ rộng mở đó đi vào bền vững. Tính bền vững của quan hệ đòi hỏi tin cậy chính trị cao hơn, hợp tác sâu rộng hơn và lợi ích chiến lược đan xen hơn.

Để có thể ứng phó hiệu quả với những biến chuyển nhanh chóng, phức tạp trong tình hình quốc tế, cần có sự “chủ động chiến lược” trong mọi tình huống. Do đó đặt ra yêu cầu đối ngoại

không ngừng đổi mới, vượt ra khỏi tư duy truyền thống; đánh giá, dự báo kịp thời chiều hướng vận động của thế giới, chính sách của các nước láng giềng, nước lớn, các xu thế phát triển, xu thế mới từ đó đề xuất với Đảng và Nhà nước những chủ trương, quyết sách phù hợp, không để bị động, bất ngờ.

Đồng thời đối ngoại cùng với quốc phòng và an ninh, cần phát huy vai trò trọng yếu, thường xuyên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để bảo vệ tổ quốc từ sớm, từ xa không thể thiếu sự tham gia của đối ngoại và sự hợp tác với các nước bên ngoài. Đặc biệt, các vấn đề thuộc lợi ích cốt lõi, mang tầm chiến lược của Việt Nam ngày càng chịu ảnh hưởng, gắn kết với những biến chuyển của môi trường quốc tế, đặt ra yêu cầu có sự liên thông, phối hợp giữa quốc phòng - an ninh - đối ngoại.

Thứ hai, đối ngoại đóng vai trò kiến tạo, động lực, mở ra các cơ hội mới cho đất nước, kết nối nội lực với ngoại lực, trong đó nội lực là cơ bản, lâu dài, ngoại lực là quan trọng, đột phá. Trong thế giới ngày nay, khó có quốc gia nào, nhất là các quốc gia đang phát triển, ít nguồn lực có thể vươn lên mà

không tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài. Đó là các nguồn lực về thương mại, đầu tư, viện trợ, là các xu thế phát triển và liên kết kinh tế, là trật tự thế giới đa cực, đa trung tâm, dựa trên luật pháp quốc tế, là sức mạnh của kỷ nguyên cách mạng khoa học công nghệ, kinh tế tri thức, toàn cầu hóa...

Sự phát triển bứt phá của các con rồng, con hổ châu Á cho thấy cần nắm bắt, tranh thủ những xu hướng, trào lưu phát triển có tính định hình tương lai và mang tính dẫn dắt trên thế giới. Trong kỷ nguyên phát triển mới, đối ngoại cần tranh thủ kết nối, hợp tác sâu rộng với các đối tác hàng đầu trong các ngành, lĩnh vực này; tìm kiếm cơ hội thúc đẩy hợp tác với các trung tâm đổi mới sáng tạo của thế giới trong các lĩnh vực mới như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, kinh tế số, năng lượng xanh. Đồng thời, trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu được định hình lại, nâng cao năng lực cạnh tranh và vị trí của Việt Nam trong các chuỗi cung ứng.

Với lợi thế của cục diện đối ngoại rộng mở, đối ngoại cần tiếp tục tranh thủ cũng như làm mới các động lực tăng trưởng hiện có về thương mại, đầu tư..., nhất là tranh thủ quan hệ đối

ngoại tốt đẹp để thúc đẩy các thỏa thuận kinh tế; khai thác tối đa lợi ích của các hiệp định thương mại, đầu tư cho người dân, địa phương, doanh nghiệp; đa dạng hóa thị trường, khai phá các nguồn đầu tư, tài chính và công nghệ mới, nhất là những nguồn lực chất lượng cao từ các tập đoàn, doanh nghiệp tiên tiến; khai thông vướng mắc để tạo đà thu hút các dự án mới.

Thứ ba, cách tiếp cận đối ngoại mới từ tiếp nhận sang đóng góp, từ học tập sang dẫn dắt, từ hội nhập sâu rộng sang hội nhập đầy đủ, từ một quốc gia đi sau sang một quốc gia đang vươn mình, sẵn sàng đi đầu trong những lĩnh vực mới và đảm nhận những trách nhiệm mới. Thế và lực mới của đất nước đã thay đổi, đặt ra yêu cầu về tâm thế và vị thế mới của Việt Nam trong quan hệ quốc tế. Một mặt Việt Nam có khả năng, điều kiện tham gia nhiều hơn, trách nhiệm hơn, mặt khác cộng đồng quốc tế cũng kỳ vọng Việt Nam đóng góp tích cực hơn vào việc giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng quốc tế.

Trong sự hội nhập sâu rộng như hiện nay, lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp và công dân Việt Nam gắn liền với một trật tự thế giới công bằng, bình

đẳng, dựa trên luật pháp là phù hợp với lợi ích của đất nước và nguyện vọng chung của nhân dân thế giới. Việt Nam sẽ tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ trật tự quốc tế công bằng, bình đẳng dựa trên luật pháp quốc tế, nâng tầm đóng góp của Việt Nam vào các vấn đề chung của quốc tế. Trong giai đoạn mới, chúng ta không chỉ tham gia xây dựng, định hình các thể chế đa phương, tham gia vào các sáng kiến của các nước mà còn có thể phát huy vai trò nòng cốt, dẫn dắt trong những vấn đề và cơ chế quan trọng có tầm chiến lược, phù hợp với lợi ích của ta.

Trong ứng phó với các vấn đề chung của thế giới, nhất là các thách thức an ninh phi truyền thống như an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh mạng, biến đổi khí hậu, dịch bệnh..., đối ngoại không chỉ đóng vai trò phát huy ngoại lực, tranh thủ hỗ trợ, hợp tác của cộng đồng quốc tế mà còn chủ động đóng góp vào việc xây dựng các thể chế, khuôn khổ khu vực và toàn cầu, chung tay ứng phó với các thách thức này.

Thứ tư, phát huy “sức mạnh mềm” của dân tộc tương xứng với tầm vóc lịch sử và văn hóa, vị thế chính trị và

kinh tế của đất nước. “Sức mạnh mềm” của Việt Nam là nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới, là đường lối đối ngoại hòa bình, xử lý các vấn đề quốc tế hài hòa, có lý, có tình, tôn trọng luật pháp quốc tế, là sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới.

Trong kỷ nguyên mới, sức mạnh mềm của đất nước không chỉ là nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước mà cao hơn là hướng tới gắn kết Việt Nam với thế giới, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam, gia tăng vị thế, ảnh hưởng của đất nước trong nền chính trị thế giới, kinh tế toàn cầu và văn minh nhân loại. Việc phát huy sức mạnh mềm trong giai đoạn mới đòi hỏi đổi mới về cách thức, phương thức triển ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại và giao lưu nhân dân; đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, trao đổi để tạo dựng mối quan hệ gần bó, tin cậy lâu dài với các đối tác.

Thứ năm, xây dựng nền đối ngoại và ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp với bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu trong kỷ

nguyên mới. Trong tổ chức bộ máy, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống các cơ quan làm công tác đối ngoại theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực. Cơ chế triển khai đối ngoại cần tập hợp, huy động được thế mạnh của mỗi lực lượng, cơ quan làm công tác đối ngoại để có tham mưu chính xác, nhưng đồng thời có sự tập trung trong chỉ đạo, điều phối công tác đối ngoại, qua đó góp phần ra quyết sách và xử lý các vấn đề đối ngoại kịp thời, đồng nhất.

Trong công tác cán bộ, trên cơ sở phương châm “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, trong kỷ nguyên mới, các cán bộ đối ngoại, ngoại giao không chỉ có trình độ, năng lực lẫn bản lĩnh chính trị mà còn phải dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo, ngày càng mang tính chuyên nghiệp, về cách thức, phương thức, lề lối làm việc.

Đồng thời cần bảo đảm nguồn lực cho công tác đối ngoại đáp ứng các nhiệm vụ mới, tương xứng với thế và lực của Việt Nam, ngang tầm khu vực và thế giới. Trong việc tham gia, hợp tác và vận động các đối tác để thúc đẩy lợi ích đối ngoại của đất nước, đòi hỏi đầu tư nguồn lực tương xứng để phát huy tối đa hiệu quả của hợp tác ■

ĐẢNG BỘ THỦ ĐÔ HÀ NỘI VỚI TRÁCH NHIỆM LỊCH SỬ TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

● TS NGUYỄN VĂN PHONG

Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Hà Nội

Trong phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ 10 cũng như nhiều bài viết, phát biểu quan trọng, Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: *“Với thế và lực đã tích lũy được sau 40 năm đổi mới, với sự đồng lòng, chung sức của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, với những thời cơ, thuận lợi mới, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, chúng ta đã hội tụ đủ những điều kiện cần thiết đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”*. Đây là nhận thức, tư duy lý luận mới tạo cơ sở quan trọng cho việc xây dựng các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng.

Tư duy lý luận về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt

Nam chính là sự kế thừa, phát triển nhận thức, tư duy lý luận về giai đoạn phát triển mới của đất nước và của dân tộc. Hành trang bước vào kỷ nguyên mới, vươn mình của dân tộc như Đảng ta và đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định là: Phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự tin, tự chủ, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hoá, con người Việt Nam, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, lấy nguồn lực nội sinh, nguồn lực con người là nền tảng, khoa học - công nghệ và đổi

mới sáng tạo là tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững, là đột phá để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ 10, cả hệ thống chính trị đã có những chuyển động mạnh mẽ, vận hành với tinh thần mới, vận tốc mới nhằm tạo ra những động lực mới, hiệu năng mới cho phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân... Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*” và giải pháp tăng tốc phát triển kinh tế - xã hội, tháo gỡ điểm nghẽn, nút thắt về thể chế để phát triển (được tổ chức vào ngày 01/12/2024 vừa qua), đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm cũng đã chỉ rõ, chúng ta phải đổi mới tư duy, phải “*cởi trói*”, phải quyết đoán, phải bứt phá, phải vượt lên chính mình...; đồng thời nhấn mạnh: “*Ban Chấp hành Trung ương*

Đảng, Chính phủ, Quốc hội đang tập trung giải quyết những điểm nghẽn và tạo lập những yếu tố nền tảng để đất nước có thể “cất cánh”, nhất là các vấn đề liên quan đến cơ sở hạ tầng như hệ thống giao thông, hạ tầng năng lượng, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, cải cách thể chế phát triển, thu tục hành chính...”.

Với vai trò Thủ đô, yêu cầu đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới đặt ra nhiệm vụ ngày càng cao đối với Hà Nội trong đi trước, đi đầu, thúc đẩy đột phá, qua đó tạo nguồn lực mới, động lực mới trong phát triển. Hướng tới những tầm nhìn mới, khát vọng mới, Hà Nội đang đứng trước những cơ hội để bứt phá trong giai đoạn mới. Sớm xây dựng Hà Nội trở thành “*Thủ đô xã hội chủ nghĩa*” hình mẫu trên thế giới, góp phần đưa đất nước tiến vào kỷ nguyên mới, là yêu cầu mà đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đặt ra cho Hà Nội.

Tại cuộc làm việc Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII Đảng bộ thành phố Hà Nội (ngày 9/8/2024), đồng chí

Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh, Hà Nội cần phải nhận thức đầy đủ, đúng đắn và sâu sắc hơn nữa tiềm năng, lợi thế vượt trội, vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của Thủ đô Hà Nội trong sự nghiệp đổi mới, phát huy truyền thống văn hiến và anh hùng, vị thế đặc biệt quan trọng của Thủ đô đối với vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước. Đồng thời nâng cao tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tiếp tục đổi mới tư duy, nếp nghĩ, cách làm để đưa Hà Nội phát triển mạnh mẽ hơn nữa, toàn diện hơn nữa, trở thành thành phố tiêu biểu của cả nước về các mặt.

Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm chỉ rõ, phát triển nhanh, bền vững, kết hợp hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, bảo vệ môi trường; an ninh an toàn và hạnh phúc của người dân với triết lý phát triển của Thủ đô dựa trên “5 trụ cột”

là: Văn hóa, con người và di sản nghìn năm văn hiến - Phát triển kinh tế xanh, kinh tế số - Hạ tầng kết nối đồng bộ, hiện đại - Xã hội số, đô thị thông minh - Khoa học công nghệ và

Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm chỉ rõ, phát triển nhanh, bền vững, kết hợp hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, bảo vệ môi trường; an ninh an toàn và hạnh phúc của người dân với triết lý phát triển của Thủ đô dựa trên “5 trụ cột” là: Văn hóa, con người và di sản nghìn năm văn hiến - Phát triển kinh tế xanh, kinh tế số - Hạ tầng kết nối đồng bộ, hiện đại - Xã hội số, đô thị thông minh - Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

đổi mới sáng tạo; trong đó, văn hóa, con người và di sản nghìn năm văn hiến là nền tảng xuyên suốt; cùng “3 chuyển đổi” là: Chuyển đổi xanh - Chuyển đổi số - Kinh tế tuần hoàn; với hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có tính kết nối cao; kinh tế số, đô thị thông minh; khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo,... Những định hướng lớn rất quan trọng của Tổng Bí thư Tô Lâm chính là cơ sở để Hà Nội tiếp tục vận dụng, cụ thể hóa vào các chương trình, kế hoạch công tác, để tổ chức triển

khai thực hiện đồng bộ, thống nhất trong toàn hệ thống chính trị trong thời gian tới, thực hiện tốt nhất những mục tiêu chiến lược trong phát triển nhanh và bền vững.

Phát huy vai trò đi đầu, dẫn dắt của Thủ đô trong tiến trình phấn đấu đưa nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, những mục tiêu Đảng bộ Hà Nội đặt ra trong nhiệm kỳ Đại hội XVIII sẽ mang đến những cơ hội mới, động lực mới, để hoàn thành mục tiêu đến năm 2030 là Thành phố “*Văn hiến - Văn minh - Hiện đại*”; trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao trong khu vực và trên thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực. Mục tiêu dự kiến được đặt ra là GRDP giai đoạn 2026 - 2030 tăng 8,0 - 8,5%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt 12.000 - 13.000 USD. Tạo nền tảng vững chắc để hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045 là thành phố kết nối toàn cầu, có mức sống và chất lượng cuộc sống cao, với GRDP/người đạt trên 36.000 USD; kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hòa; tiêu biểu cho cả nước; có trình độ phát triển ngang tầm Thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Đây cũng là nội dung quan trọng được nêu trong Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/05/2022 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trên cơ sở tiếp tục đổi mới tư duy và hành động, phát huy sức sáng tạo của các cấp, ngành; phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực để thúc đẩy sự phát triển trên các lĩnh vực kinh tế, đô thị, văn hóa, xã hội,... Hà Nội sẽ có những hành động cụ thể để triển khai 7 định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam; trong đó tập trung một số nội dung:

- Tăng tốc, quyết liệt chỉ đạo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, công tác xây dựng Đảng, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, cùng các nguồn lực, tháo gỡ những ách tắc, điểm nghẽn, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII Đảng bộ thành phố, nhất là các chỉ tiêu khó; đóng góp xứng đáng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

- Tập trung đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị Thủ đô trong sạch, vững mạnh, thực sự gương mẫu, đi đầu; quán triệt và thực hiện tốt phương châm “*dân là gốc*”, lấy người dân làm trung tâm, là chủ thể, nguồn lực và mục tiêu của mọi chiến lược phát triển, bảo đảm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, chính quyền với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; lấy sự hài lòng của nhân dân làm thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp uỷ, chính quyền các cấp.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là với thế hệ trẻ; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực công tác và phẩm chất đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh; có tinh thần đoàn kết, có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; cán bộ, đảng viên luôn gương mẫu, đi đầu, tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã

hội; chú trọng giáo dục truyền thống yêu nước, khơi dậy tinh thần, hào khí Thăng Long, niềm tự hào và khát vọng vươn lên trong mỗi cán bộ, đảng viên và người dân; tạo động lực, truyền cảm hứng để Đảng bộ, chính quyền, quân và dân Thủ đô quyết tâm phấn đấu cùng cả nước vững bước trong kỷ nguyên mới.

- Đi đầu trong việc đưa thực hiện chuyển đổi số vào hoạt động của các cơ quan Đảng, tạo sự đồng bộ với chuyển đổi số của chính quyền thành phố, phát huy hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, các cấp, các ngành cũng như cả hệ thống chính trị; trong đó tiếp tục tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng số, hình thành dữ liệu lớn, phát triển các ứng dụng công nghệ mới; đẩy mạnh phát triển kinh tế xanh, kinh tế số và nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng số cho người dân xây dựng xã hội số, xã hội thông minh. Với mục tiêu hướng đến là Hà Nội trở thành một thành phố tiên phong về chuyển đổi số và phát triển bền vững trong nước và khu vực

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các lĩnh vực như: Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền; tăng cường kết nối vùng; phân

bổ các không gian phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng xã hội học tập gắn với xây dựng văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, xứng đáng với truyền thống văn hiến ngàn năm, tiêu biểu cho trí tuệ và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị; xây dựng Hà Nội thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh và tỏa sáng văn hóa của cả nước. Làm tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, tập trung phát triển công nghiệp văn hóa gắn với du lịch để công nghiệp văn hóa và du lịch trở thành ngành kinh tế trọng điểm. Phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số,...; phấn đấu giữ vững vị trí dẫn đầu cả nước trong thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phục vụ yêu cầu đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô và đất nước.

- Triển khai tích cực Luật Thủ đô 2024, phát huy hiệu quả cơ chế, chính sách vượt trội, đặc thù trong thực tiễn, nhất là việc tháo gỡ hiệu quả các “điểm nghẽn”, “nút thắt”, giải phóng nguồn lực, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của thành phố gắn với tổ chức triển khai Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án trọng tâm, trọng điểm như: đường Vành đai 4, Vành đai 5, các tuyến đường sắt đô thị, các cầu qua sông Hồng và định hướng phát triển theo 5 trục không gian chính, gồm trục sông Hồng, trục Hồ Tây - Ba Vi, trục Hồ Tây - Cổ Loa, trục Nhật Tân - Nội Bài và trục nam Hà Nội; tập trung nguồn lực để xây dựng hai thành phố trực thuộc là thành phố Bắc sông Hồng (Mê Linh - Sóc Sơn - Đông Anh), thành phố phía Tây (Hòa Lạc - Xuân Mai) và những đô thị thông minh theo những tiêu chí của thời đại mới, tạo diện mạo Thủ đô trong kỷ nguyên kiến tạo mới...

- Tập trung chuẩn bị và tổ chức tốt đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025

- 2030 tiến tới Đại hội lần thứ XVIII Đảng bộ thành phố Hà Nội trên cơ sở bám sát và thực hiện nghiêm Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kế hoạch tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2025 - 2030. Có tư duy đổi mới, quyết tâm với ý chí cao nhất, thể hiện vai trò gương mẫu, đi đầu của Thủ đô trong thực hiện khát vọng phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam như tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm. Công tác chuẩn bị nhân sự phải được đặc biệt coi trọng giúp Đại hội lựa chọn, bầu cử vào cấp ủy những cán bộ, đảng viên thật sự gương mẫu, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ năng lực và tâm huyết, trách nhiệm cao với công việc chung.

- Quyết tâm giữ vững ổn định chính trị trong mọi hoàn cảnh; thường xuyên củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh và phát huy sức mạnh thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, bảo vệ vững

chắc Thủ đô trong mọi tình huống. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế. Chủ động, kịp thời đấu tranh có hiệu quả, làm thất bại mọi âm mưu chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phá hoại thành quả của công cuộc đổi mới.

Những giá trị về truyền thống lịch sử, văn hóa và cách mạng luôn là niềm tự hào, là động lực thôi thúc Đảng bộ và Nhân dân Thủ đô phát huy hào khí Thăng Long, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, truyền thống gương mẫu, đoàn kết, thống nhất, chủ động, sáng tạo, trách nhiệm; không ngừng đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp làm việc; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh, xây dựng Thủ đô phát triển toàn diện, bền vững, phồn vinh, hạnh phúc, xứng đáng với niềm tin yêu của đồng bào cả nước, xứng đáng với tầm vóc và vị thế “*Thủ đô ngàn năm văn hiến*”, “*Thủ đô anh hùng*”; vững bước tiến vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đưa đất nước phát triển giàu mạnh, phồn vinh, hạnh phúc, sánh vai với các cường quốc năm châu ■

ĐỘT PHÁ THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

● TS TRẦN THỊ HỒNG MINH

Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý Kinh tế Trung ương

1. Yêu cầu đối với thể chế phát triển trong kỷ nguyên mới

Kỷ nguyên là một chặng đường lịch sử trong tiến trình phát triển của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia và của cả nhân loại. Chặng đường ấy được đánh dấu bằng sự phát triển về chất chứ không chỉ về lượng, được nhớ tới với những dấu ấn đặc biệt, những thành tựu vĩ đại và quan trọng nhất là nếu hoàn thành các nhiệm vụ, các mục tiêu của kỷ nguyên ấy thì sẽ tạo tiền đề, điều kiện để mở ra bước phát triển mới, thời kỳ mới cho dân tộc.

Ở Việt Nam, sau 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, tiềm lực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của chúng ta tăng vượt bậc. Đất nước đã đạt được nhiều thành tựu có ý nghĩa lịch sử, tạo ra tiềm lực và vị thế mới. Đây

là một trong những tiền đề quan trọng để đất nước vững chắc tiến vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Trong nhiều bài viết, bài phát biểu, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh, kỷ nguyên mới là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh, kỷ nguyên thịnh vượng dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của khu vực và thế giới, cho hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. Đích đến của kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là dân giàu,

nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phát triển theo chế độ xã hội Xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Theo đó, yêu cầu đối với thể chế phát triển trong kỷ nguyên mới phải đột phá, đi thẳng vào hiện đại, vào những lĩnh vực công nghệ cao, những lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế; khai thác hiệu quả các nguồn lực phát triển; xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, tạo sự phát triển vượt bậc về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an

ninh, đối ngoại. Bên cạnh đó, đột phá thể chế phát triển phải giải quyết triệt để những điểm nghẽn, những khó khăn đang kìm hãm, cản trở sự phát triển của đất nước. Hai quá trình này phải được tiến hành song song, đồng bộ, hỗ trợ lẫn nhau, trong đó đi thẳng vào hiện đại là cơ bản, có ý nghĩa quyết định;

khắc phục, giải quyết những bất cập, điểm nghẽn là cấp bách, quan trọng để tiến vào kỷ nguyên mới.

Hoàn thiện thể chế được xác định là một trong ba khâu đột phá chiến lược để tạo xung lực mới có sức lan tỏa mạnh, giải phóng mọi tiềm năng, khai thác có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

2. Những vấn đề đối với thể chế phát triển ở Việt Nam hiện nay

Hoàn thiện thể chế được xác định là một trong ba khâu đột phá chiến lược để tạo xung lực mới có sức lan tỏa mạnh, giải phóng mọi tiềm năng, khai thác có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Trọng tâm đột phá thể chế cũng được xác định khá rõ, đặc biệt, Đại hội XIII của Đảng xác định trọng tâm đột phá thể chế là thể chế phát triển, nhân mạnh đến ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt

hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển.

Thực tế, trong thời gian qua, thể chế phát triển đã có những bước tiến dài và ngày càng tiến bộ. Hệ thống pháp luật kinh tế được hoàn thiện, không chỉ mở theo chiều rộng nhằm đảm bảo sự phát triển an toàn của tất cả các hoạt động kinh doanh mà còn được hoàn thiện theo chiều sâu, phù hợp với các đòi hỏi của nền kinh tế thị trường theo thông lệ quốc tế. Hệ thống pháp luật kinh tế đã tạo nền tảng pháp lý thống nhất, bình đẳng hơn cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, quyền tự do kinh doanh được mở rộng, giảm mạnh các rào cản hành chính, giúp cải thiện đáng kể môi trường kinh doanh. Trong những năm gần đây, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tổ chức rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhằm tháo gỡ các “rào cản”, khơi thông mọi nguồn lực cho đầu tư, kinh doanh. Đặc biệt, từ

năm 2014, hàng năm, Chính phủ ban hành các nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Nhiều văn bản pháp luật ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ, đặc biệt các văn bản quy định về đầu tư, kinh doanh, thuế, hải quan,...

Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển, thể chế vẫn là điểm nghẽn lớn, kìm hãm quá trình cải cách và phát triển kinh tế, đặc biệt nhìn dưới các khía cạnh quản trị quốc gia, trọng tâm là hệ thống pháp luật, thực thi pháp luật và hiệu lực, hiệu quả chính phủ/ chính quyền. Cụ thể:

Một là, hệ thống pháp luật phức tạp, thiếu tính ổn định, hay thay đổi, ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh của các chủ thể thị trường.

Theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam gồm: Hiến pháp; luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước; Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,... Bên cạnh đó còn có các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ,...

Thực tế, từ lâu, cộng đồng doanh nghiệp (cả trong nước và có vốn đầu tư nước ngoài), đều cho rằng hệ thống pháp luật ở nước ta thiếu tính ổn định,

nhiều văn bản pháp luật có tuổi thọ khá ngắn, liên tục sửa đổi, bổ sung. Hệ thống pháp luật thiếu ổn định và khó tiên liệu đã tác động đến tâm lý e ngại, không muốn đầu tư dài hạn, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo ra những bất lợi đối với môi trường kinh doanh như rủi ro chính sách, rủi ro pháp lý và nguy cơ dẫn đến hành chính hóa, hình sự hóa các vấn đề kinh tế, dân sự, có thể ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển của doanh nghiệp. Hơn nữa, số lượng văn bản pháp luật khá lớn và thường xuyên thay đổi cũng làm cho các doanh nghiệp mất khá nhiều thời gian để tìm hiểu và thực hiện. Theo Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, cộng đồng doanh nghiệp cho rằng sự phức tạp của các quy định pháp luật là một trong những điều phiền hà và trở ngại lớn nhất cho doanh nghiệp trong tuân thủ thủ tục hành chính. Doanh nghiệp mất khá nhiều thời gian để có thể nắm bắt và thực hiện đúng các quy định, tạo gánh nặng chi phí thời gian liên quan đến tìm hiểu và thực thi các quy định pháp luật.

Hai là, chất lượng hệ thống pháp luật chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; ở nhiều lĩnh vực, nhiều khía cạnh, quy định pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu đồng bộ, gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện, chưa tạo môi trường thực sự thuận lợi để thu hút nguồn lực của nhà đầu tư trong và ngoài nước, trở thành rào cản trong quá trình gia nhập thị trường, hoạt động sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế.

Thời gian qua, mặc dù môi trường đầu tư kinh doanh được tập trung cải thiện với trọng tâm rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thiểu chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, người dân tham gia hoạt động kinh doanh nhưng những cải thiện trong hệ thống pháp luật về môi trường kinh doanh không đáng kể, đặc biệt khi so sánh với các nước khác.

Theo Báo cáo B-Ready 2024¹ của Ngân hàng Thế giới, mặc dù đã có nhiều cải cách, cải thiện nhưng nhiều chỉ số về môi trường kinh doanh của Việt Nam vẫn ở mức trung bình hoặc mức thấp so với các quốc gia khác. *Đối với chỉ số gia nhập thị trường*, Việt

Nam đứng ở mức trung bình với thứ hạng 29/50 nước đạt 65,47 điểm (cao nhất là Hy Lạp xếp thứ 1/50 với điểm số 95,58), trong đó khung pháp luật gia nhập thị trường của Việt Nam đạt 72,23 điểm (đứng thứ 46/50 nước). *Đối với chỉ số về lao động*, Việt Nam xếp ở thứ hạng khá cao 9/50 quốc gia nhưng khung pháp luật về lao động chỉ đứng thứ 28/50 nước. *Đối với chỉ số về dịch vụ tài chính*, Việt Nam đứng thứ 34/50 nước và khung pháp luật về dịch vụ tài chính đứng thứ 49/50 nước. *Đối với chỉ số về hành chính thuế*, Việt Nam đứng thứ 23/50 và khung pháp luật về thuế đứng thứ 42/50 nước.

Tương tự, trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, mặc dù Đảng và Nhà nước đã đưa ra nhiều quyết sách quan trọng nhưng việc thể chế hóa thành khung pháp luật còn hạn chế. Hệ thống chính sách, pháp luật về chuyển giao công nghệ, sàn giao dịch công nghệ còn chưa đồng bộ, thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo động lực cho thương mại hóa, đẩy mạnh cung - cầu công nghệ;... Theo đó, chất lượng pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế. Theo Báo cáo Chỉ số Đổi mới



Việt Nam quan tâm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh _ Ảnh: MH

sáng tạo toàn cầu 2022-2024 của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới, điểm số và thứ hạng về thể chế khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam có xu hướng giảm, từ 60,6 điểm đứng thứ 51/132 (năm 2022) còn 50,5 điểm đứng thứ 58/132 (năm 2024), trong đó chỉ số thành phần về chất lượng quy định giảm từ 41,2 điểm đứng thứ 83/132 (năm 2022) xuống 30,5 điểm đứng thứ 95/132 nền kinh tế.

Theo khảo sát Chỉ số Niềm tin kinh doanh (BCI) của Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam (Euro

Cham) quý IV/2023 (công bố tháng 01/2024), chất lượng pháp lý, quy định hành chính và thủ tục tiếp tục là chủ đề làm phiền lòng doanh nghiệp. Theo đó, có tới 34% số người được hỏi cho rằng “các quy tắc và quy định không rõ ràng và được giải thích khác nhau” cũng là một thách thức lớn, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết của việc rõ ràng và nhất quán trong khuôn khổ pháp lý.

Ba là, khoảng trống pháp luật trong phát triển kinh tế còn khá lớn; nhiều cơ chế, chính sách tạo đột phá, khai thác các nguồn lực mới, đặc biệt các mô

hình kinh tế mới, chưa đầy đủ hoặc chậm được nghiên cứu ban hành.

Khung pháp luật cho áp dụng các mô hình kinh tế mới chưa đầy đủ. Việc nghiên cứu, ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát còn chậm. Đối với kinh tế xanh/ kinh tế tuần hoàn, khung chính sách chủ yếu mới dừng lại ở việc đề xuất hướng tiếp cận và tập trung vào tăng trưởng xanh. Đối với các mô hình kinh tế mới trong kinh tế số như mô hình kinh tế chia sẻ, các mô hình tài chính kỹ thuật số... chưa có quy định pháp luật phù hợp.

Bốn là, hiệu lực thực thi pháp luật còn nhiều hạn chế; tình trạng pháp luật chưa được thực thi nghiêm túc vẫn xảy ra ở nhiều ngành, lĩnh vực. Theo Chỉ số pháp quyền của Dự án Tư pháp thế giới (WJP Rule of Law Index), hiệu lực thực thi pháp luật của Việt Nam năm 2024 đã có cải thiện đáng kể so với năm 2023, tăng 12 bậc từ 103/142 (năm 2023) lên 92/142 quốc gia, vùng lãnh thổ (năm 2024). Tuy nhiên, điểm số và thứ hạng của Việt Nam vẫn khá thấp, nhất là so với khu vực châu Á - Thái Bình Dương, khi chỉ đứng ở vị trí 12/15 quốc gia. Tương tự, theo Chỉ số quản trị toàn

cầu (WGI) của Ngân hàng Thế giới, mặc dù chỉ số pháp quyền (rule of law) của Việt Nam đã cải thiện nhưng năm 2023, Việt Nam vẫn đứng vị trí 107/214 quốc gia, vùng lãnh thổ với 50,5 điểm thứ hạng phần trăm (thang điểm 0 đến 100).

Năm là, cải cách hành chính, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phòng chống tham nhũng lãng phí được đẩy mạnh trong những năm gần đây nhưng kết quả thực hiện chưa như kỳ vọng. Hiệu lực, hiệu quả của các cấp chính quyền chưa cao. Trật tự, kỷ cương hành chính chưa nghiêm; còn một số biểu hiện vi phạm đạo đức của một bộ phận cán bộ, công chức. Theo Chỉ số quản trị toàn cầu (WGI) của Ngân hàng Thế giới, chỉ số hiệu lực, hiệu quả của chính phủ/ chính quyền (government effectiveness)² có xu hướng giảm cả điểm thứ hạng phần trăm và vị trí, từ 60,5 điểm (năm 2021) với vị trí 87 xuống 56,1 điểm (năm 2023) với vị trí 95/214 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Nguyên nhân của những vấn đề trong thể chế phát triển kể trên là công tác xây dựng pháp luật còn nhiều bất cập như thời hạn yêu cầu soạn thảo, ban hành một số văn bản pháp luật,

chưa đảm bảo đủ thời gian để thực hiện các quy trình, thủ tục theo quy định; việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan thẩm định, tổ chức, cơ quan có liên quan chưa đầy đủ, rõ ràng, đặc biệt việc giải trình không tiếp thu. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực làm công tác xây dựng và thực thi pháp luật còn thiếu, tính chuyên nghiệp còn hạn chế; khả năng dự báo và tầm nhìn trong công tác xây dựng pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu; việc tổ chức, triển khai thực hiện chưa nghiêm, thiếu chế tài mạnh để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật,...

3. Một số giải pháp đột phá thể chế phát triển đưa đất nước vươn mình trong kỷ nguyên mới

Thời gian qua, trong nhiều bài viết, bài phát biểu ở nhiều diễn đàn khác nhau, đặc biệt diễn đàn Quốc hội, Tổng Bí thư Tô Lâm đã đưa ra quan điểm đổi mới tư duy, cải cách phương thức lập pháp nhằm xóa bỏ điểm nghẽn về thể chế. Có thể tổng hợp các chỉ đạo của Tổng Bí thư theo các nguyên tắc sau: Thể chế kinh tế phải thúc đẩy sáng tạo, khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm người

đứng đầu trong xây dựng thể chế kinh tế, kiên quyết chống tiêu cực, lợi ích nhóm; tính khả thi phải là nguyên tắc tối thượng trong xây dựng và thực thi pháp luật; cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp; hành lang pháp lý phù hợp với xu hướng phát triển mới, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế. Theo đó, để tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế, tạo đột phá thể chế phát triển, khuyến khích đổi mới sáng tạo, phát triển các mô hình kinh tế mới, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển, đưa đất nước vươn lên trong kỷ nguyên mới, cần tập trung vào các nhóm giải pháp sau:

Một là, đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật, lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm theo tinh thần chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm, lắng nghe tiếng nói của người dân, của doanh nghiệp - những người chịu sự chi phối bởi luật. Cơ quan soạn thảo, xây dựng văn bản pháp luật cần đi sát với doanh nghiệp, đi sâu vào thực tế để hiểu đúng, hiểu trúng vấn đề mà người dân, doanh nghiệp cần. Quy định pháp luật phải tạo động lực, không gian mới,

kiến tạo cho phát triển đất nước. Bên cạnh đó, cần nhấn mạnh hơn đến nâng cao chất lượng thể chế và hiệu lực, hiệu quả thực thi thể chế đảm bảo kỷ luật, kỷ cương, thượng tôn pháp luật. Có chế tài rõ ràng và xác định trách nhiệm, đặc biệt trách nhiệm của người đứng đầu trong xây dựng (cả chất lượng, tiến độ) và thực thi thể chế.

Hai là, đổi mới phương thức, quy trình, cách thức xây dựng pháp luật, nâng cao chất lượng văn bản pháp luật, đảm bảo tính ổn định, dài hạn và nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng pháp luật.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, bảo đảm tính chuyên nghiệp, khoa học, hiệu quả, kịp thời, đáp ứng những yêu cầu, thay đổi nhanh chóng của đời sống kinh tế - xã hội và sự phát triển của khoa học công nghệ. Quy định rõ hơn quy trình xây dựng chính sách, phân định rõ quy trình lập pháp và quy trình xây dựng văn bản dưới luật.

Cần có cơ chế phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong quá trình soạn thảo, thẩm định, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo văn bản pháp luật; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, quy định chế độ trách nhiệm và

có chế tài xử lý đối với tổ chức, cá nhân ban hành văn bản pháp luật sai, kém chất lượng, gây ảnh hưởng tiêu cực đến quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh tế; sửa đổi, bổ sung chế tài để các chủ thể kinh tế tuân thủ pháp luật theo hướng cân bằng lợi ích, kinh tế hóa thay vì hình sự hóa các quan hệ kinh tế.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phát huy vai trò phản biện xã hội, giải trình và tiếp thu ý kiến của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, đại diện dân cử, các chuyên gia, các nhà khoa học trong xây dựng pháp luật; khuyến khích, trân trọng ý kiến tham gia phản biện của cộng đồng doanh nghiệp, người dân trong quá trình lập pháp.

- Tăng cường xây dựng các đạo luật có nội dung cụ thể, hiệu lực trực tiếp; khắc phục tình trạng luật thiếu tính ổn định, chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu, trong công tác xây dựng pháp luật.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng, năng lực, trình độ, bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật, xây dựng đội ngũ làm luật chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn tốt và am hiểu thực tiễn; nâng cao trình độ dự báo và tầm nhìn trong công tác xây dựng pháp luật để tăng khả năng đáp ứng yêu cầu phát sinh mới, đảm bảo tính ổn định, lâu dài của hệ thống pháp luật.

Ba là, tiếp tục tập trung rà soát hệ thống pháp luật, tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, bãi bỏ những rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.

Tập trung xóa bỏ sự chồng chéo, xung đột của các văn bản quy phạm pháp luật, chồng chéo, xung đột giữa các văn bản pháp luật gây ra sự không rõ ràng, khó khăn cho việc thực thi, tuân thủ pháp luật. Tập trung hoàn thiện hệ thống thể chế hành chính, nhất là thể chế phân cấp, phân quyền, thể chế thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển các ngành, các mô hình kinh tế mới.

Bốn là, tập trung hoàn thiện, lấp đầy

khoảng trống pháp luật nhằm khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực, tận dụng các cơ hội mới, mô hình kinh tế mới, tạo động lực mới cho phát triển.

- Cần có cơ chế, chính sách đột phá nhằm tạo động lực cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và ứng dụng các kết quả này vào sản xuất.

- Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích hình thành lực lượng doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân và doanh nghiệp nhà nước có vai trò dẫn dắt, mở đường trong một số lĩnh vực, ngành kinh tế.

- Tập trung nguồn lực sửa đổi, bổ sung và xây dựng hệ thống các luật mới nhằm khai thác tốt hơn các cơ hội mới, tạo động lực tăng trưởng mới. Sớm ban hành cơ chế, chính sách để phát triển các mô hình kinh tế mới như kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế số.

Năm là, đẩy mạnh triển khai thực hiện pháp luật, đảm bảo nguyên tắc pháp quyền, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; có chế tài mạnh, đủ sức răn đe để nâng cao tính tuân thủ pháp luật của các chủ thể trong nền kinh tế.

Sáu là, tập trung thực hiện tinh gọn bộ máy hành chính, tiếp tục chuyển đổi

mạnh mẽ từ nhà nước quản lý sang nhà nước kiến tạo, phục vụ và quản trị; đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản trị nhà nước, đặc biệt các thành tựu công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ chuỗi khối (blockchain),...; đẩy mạnh phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số, chính quyền điện tử, chính quyền số.

Bấy là, tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của

Trung ương, nhất là Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới theo, đặc biệt các giải pháp tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững ■

¹ Ngân hàng Thế giới dừng thực hiện Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business) từ tháng 9/2021. Báo cáo B-Ready (Business Ready) là cách tiếp cận mới của Ngân hàng Thế giới để đánh giá môi trường kinh doanh và đầu tư tại các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. B-READY đánh giá môi trường kinh doanh của các nền kinh tế thông qua khung pháp lý, việc cung cấp các dịch vụ công cho các doanh nghiệp và hiệu quả triển khai trong thực tế. B-READY tập trung vào 10 chủ đề (Gia nhập thị trường; Địa điểm kinh doanh; Kết nối dịch vụ điện nước; Lao động; Dịch vụ tài chính; Thương mại quốc tế; Thuế; Giải quyết tranh chấp; Cạnh tranh thị trường và Phá sản doanh nghiệp) theo 3 giai đoạn vòng đời của doanh nghiệp: (i) Thành lập doanh nghiệp, (ii) Vận hành (hoặc mở rộng) doanh nghiệp và (iii) Đóng cửa (hoặc tổ chức lại) một doanh nghiệp.

² Chỉ số hiệu lực, hiệu quả của chính phủ/ chính quyền (government effectiveness) đo lường chất lượng dịch vụ công, chất lượng dịch vụ dân sự, chất lượng xây dựng và thực hiện chính sách cũng như độ tin cậy trong cam kết của các cấp chính quyền đối với những chính sách đó.